

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
thành phố Đ.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HSST
Ngày: 09-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN THÀNH PHỐ thành phố Đ.**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Công Hoan**

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Bá Tiên**
Ông **Huỳnh Bá Công**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Hoàng** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đ. tham gia phiên tòa: Ông **Lê Văn Quy** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đ., xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2020/HSST ngày 26 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/HSST-QĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN ĐÌNH T - Sinh năm: 1984 - Tại Hải Phòng.

Nơi ĐKNKTT: Số 75 An Lạc 2, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình Khoa và bà Nguyễn Thị Diệp; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/7/2020 – Có mặt tại phiên tòa.

2. NGUYỄN THANH T1 – Sinh năm 1997 – Tại Hải Phòng.

Nơi ĐKNKTT: số 11 Lô 71, phường Trại Chuối, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Danh Phương (chết) và bà Vũ Thị Nghè (Nghệ); Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/7/2020 – Có mặt tại phiên tòa.

3. NGUYỄN QUANG D - Sinh năm 1980 – Tại Hải Phòng.

Nơi ĐKNKTT: 90/2 Hùng Vương, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng; TP Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Thắng và bà Đỗ Thị Tuệ; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/7/2020 – Có mặt tại phiên tòa.

4. NGUYỄN HOÀNG PH - Sinh năm 1993 – Tại Hải Phòng..

Nơi ĐKNKTT: K7/17 Cảng 2 Lê Lợi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Thắng (chết) và bà Nguyễn Thị Trái; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 01/7/2020 và được áp dụng thay đổi biện pháp ngăn chặn vào ngày 26/02/2021, hiện đang tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

5. TRẦN PHƯƠNG N - Sinh năm 1996 – Tại Hồ Chí Minh.

Nơi ĐKNKTT: Ấp 3, xã Tân Thanh Đông, huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn Đông và bà Nguyễn Thị Vân; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/7/2020 – Có mặt tại phiên tòa.

6. VŨ CÔNG M - Sinh năm 1997 – Tại Hải Phòng.

Nơi ĐKNKTT: 33/166 Chùa Hàng, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, TP Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Vũ Khắc Thắng và bà Bùi Thu Thủy (Thủy); Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 01/7/2020 và được áp dụng thay đổi biện pháp ngăn chặn vào ngày 26/02/2021, hiện đang tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị H – Sinh năm 1968. Trú tại: Tổ 10, phường B, quận H, thành phố Đ.
2. Ông Trần H1 – Sinh năm 1991. Trú tại : Tổ 47, phường N, quận S, thành phố Đ.
3. Ông Nguyễn Hữu S – Sinh năm 1983. Trú tại: Tổ 33, phường A, quận S, thành phố Đ.
4. Bà Ngô Thị Thanh N – Sinh năm 1982. Trú tại: Tổ 36B1, phường M, quận S, thành phố Đ.
5. Ông Nguyễn Ngọc B – Sinh năm 1988. Trú tại: Tổ 18B, phường T, quận H, thành phố Đ.
6. Bà Trần Thị Tố V – Sinh năm 1979. Trú: Tổ 6, phường A, quận S, thành phố Đ.
7. Ông Phạm Tấn D – Sinh năm 1987. Trú tại: K382/50 Núi Thành, quận H, thành phố Đ.
8. Ông Nguyễn Văn A – Sinh năm 1966, Trú tại: Tổ 38, phường N, quận S, thành phố Đ.
9. Ông: Huỳnh Văn B1 – Sinh năm 1969. Trú tại: Tổ 43, phường A, quận S, thành phố Đ.

10. Bà Trần Thị Yến M – Sinh năm 1983. Trú tại: Tổ 17, phường H, quận H, Sơn Trà, thành phố Đ.
11. Bà Huỳnh Thị Tuyên S1 – Sinh năm 1975. Trú tại: Tổ 51, phường K, quận C, thành phố Đ.
12. Bà Trần Thị Túy D1 – Sinh năm 1992. Trú tại: Tổ 9, phường N, quận S, thành phố Đ.
13. Bà Nguyễn Thị Mai V1 – Sinh năm 1969. Trú tại : Tổ 31, phường T, quận S, thành phố Đ.
14. Bà Nguyễn Thị L – Sinh năm 1973. Trú tại: Số 8 An Cư 5, phường A, quận S, thành phố Đ.
15. Ông Lê Văn C – Sinh năm 1992. Trú tại: Tổ 7, phường T, quận S, thành phố Đ.
16. Ông Ngô Văn Q – Sinh năm 1976. Trú tại: Tổ 49, phường A, quận S, thành phố Đ.
17. Ông Mai Đình T – Sinh năm 1966. Trú tại: Tổ 21, phường H, quận H, thành phố Đ.
18. Bà Văn Thị N1 – Sinh năm 1969, Trú tại: Tổ 17, phường K, quận N, thành phố Đ.
19. Ông Trương Quốc K – Sinh năm 1985, trú: Tổ 7, phường H, quận C, thành phố Đ.
20. Ông Đặng Tiểu B2 – Sinh năm 1981. Trú tại : Tổ 17. phường K, quận N, thành phố Đ.
21. Bà Nguyễn Thị Đ – Sinh năm 1951. Trú tại: Tổ 04, phường H, quận N, thành phố Đ.
22. Ông Huỳnh Văn S2 – Sinh năm 1991. Trú tại: Tổ 16B, phường T, quận S, thành phố Đ.
23. Bà Trần Thị Thanh T1 – Sinh năm 1993. Trú tại: Tổ 16B, phường T, quận S, thành phố Đ.
24. Bà Ngô Thị T2 – Sinh năm 1973. Trú tại: Tổ 44, phường T, quận H, thành phố Đ.
25. Ông Nguyễn Văn C1 – Sinh năm 1990. Trú tại: K02/03/08 Trường Sơn, tổ 27, phường H, quận C, thành phố Đ.
26. Bà Lương Thị Cẩm L1– Sinh năm 1972. Trú tại : K33/5 Hải Hồ, phường T, quận H, thành phố Đ.
27. Bà Nguyễn Thị Kim L2– Sinh năm 1970. Trú tại: K442/H42/23 Hoàng Diệu, phường B, quận H, thành phố Đ.
28. Ông Lê Minh T3 – Sinh năm 1983. Trú tại: 19 Nại Thịnh 3, phường N, quận S, thành phố Đ.
29. Bà Trần Thị B3 – Sinh năm 1969. Trú tại: 156 Trương Định, phường M, quận S, thành phố Đ.
30. Bà Đỗ Thị Kiều C2 – Sinh năm 2002. Trú tại: P206 Khu A chung cư V, phường N, quận S, thành phố Đ.
31. Bà Nguyễn Thị Thủy T4 – Sinh năm 1981, Trú tại: P306 Nhà C chung cư C2, phường N, quận S, thành phố Đ.
32. Bà Lê Thị H2 – Sinh năm 1961. Trú tại: P242 chung cư số 4 Khúc Hạo, phường N, quận S, thành phố Đ.
33. Ông Nguyễn Đỗ C3 – Sinh năm 1992. Trú tại: 73 Trần Khát Chân, phường M, quận S, thành phố Đ.

34. Bà Huỳnh Thị Đ1 – Sinh năm 1975, Trú tại: P206 Khu A chung cư V, phường N, quận S, thành phố Đ..
35. Ông Hồ Văn K1 – Sinh năm 1969. Trú tại: 12 Nại Hiên Đông 9, phường N, quận S, thành phố Đ..
36. Bà Nguyễn Thị D2 – Sinh năm 1996. Trú tại: P1013 chung cư 12 T2, phường N, quận S, thành phố Đ.
37. Ông Nguyễn Mạnh T5 – Sinh năm 1985. Trú tại: P212 chung cư 12 T2, phường N, quận S, thành phố Đ..
38. Ông Nguyễn Ngọc T6 – Sinh năm 1972, Trú tại: 223 Lê Tấn Trung, phường T, quận S, thành phố Đ.
39. Bà Đặng Thị T7, – Sinh năm 1973, Trú tại: P302 chung cư A5, phường N, quận S, thành phố Đ..
40. Bà Ngô Thị Thúy H3 – Sinh năm 1952. Trú tại: K26/37, phường T, quận S, thành phố Đ..
41. Ông Lê Quang S3 – Sinh năm 1989. Trú tại: Tổ 235, P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu, thành phố Đ..
42. Bà Võ Thị H4 – Sinh năm 1970. Trú tại: K62 Nguyễn Phan Vinh, phường T, quận S, thành phố Đ..
43. Ông Nguyễn Chí S3 – Sinh năm 1992. Trú tại: 70 Nguyễn Hữu Cầu, phường H, Ngũ Hành Sơn, thành phố Đ..
44. Bà Huỳnh Thị M1 – Sinh năm 1987, Trú tại: 66 An Hải 14, phường A, quận S, thành phố Đ..
45. Ông Nguyễn Chí C4 – Sinh năm 1992. Trú tại: Tổ 52, phường H, quận C, thành phố Đ.
46. Bà Nguyễn Hương T8 – Sinh năm 1975. Trú tại: Tổ 18, phường T, quận T, thành phố Đ.
47. Bà Nguyễn Đỗ Khánh U – Sinh năm 1972. Trú tại: K18/6 Trần Kế Xương, quận H, thành phố Đ..
48. Bà Nguyễn Thị Thu T9 – Sinh năm 1963. Trú tại: Tổ 45, phường T, quận T, thành phố Đ..
49. Bà Trần Thị H5 – Sinh năm 1989. Trú tại: Tổ 27, phường A, quận S, thành phố Đ.
50. Bà Hà Thị L3 – Sinh năm 1989. Trú tại: Tổ 16, phường M, quận S, thành phố Đ.
51. Bà Trần Thị T10 – Sinh năm 1975. Trú tại: Tổ 24. phường T, quận H, thành phố Đ.
52. Bà Nguyễn Thị D3 – Sinh năm 1960. Trú tại: Tổ 28, P. Phước Ninh, quận H, thành phố Đ.
53. Bà Dương Thị Mỹ H6 – Sinh năm 1962. Trú tại: Tổ 7, phường A, quận S, thành phố Đ.
54. Bà Nguyễn Thị Thục T11 – Sinh năm 1978. Trú tại: Tổ 28, phường T, quận H, thành phố Đ.
55. Bà Cao Thị M2 – Sinh năm 1972. Trú tại: Tổ 17, phường A, quận S, thành phố Đ.
56. Bà Nguyễn Thị Mỹ H7 – Sinh năm 1975. Trú tại: Số 5 Hà Tông Huân, phường T, quận S, thành phố Đ.

57. Ông Nguyễn Hữu N3 – Sinh năm 1978. Trú tại: Tổ 33, phường A, quận S, thành phố Đ.
58. Ông Nguyễn Thị H28 – Sinh năm 1969. Trú tại: Phòng 516 chung cư C2 Nhà D, phường N, quận S, thành phố Đ.,
59. Ông Nguyễn Văn B8 – Sinh năm 1977. Trú tại: Tổ 69, phường T, quận S, thành phố Đ.
60. Ông Nguyễn Thị L4 – Sinh năm 1984 Trú tại: Tổ 25, phường T, quận S, thành phố Đ.
61. Bà Hồ Thị Phương L5, Trú tại: Tổ 39A, phường A, quận S, thành phố Đ.,
62. Bà Nguyễn Thị L, – Sinh năm 1975. Trú tại: Tổ 5, P.Phước Mỹ, quận S, thành phố Đ.
63. Bà Văn Thị B5 – Sinh năm 1960. Trú tại: Tổ 27, phường B, quận H, thành phố Đ.
64. Ông Đỗ Văn Đ2 – Sinh năm 1963. Trú tại: Phòng 206 chung cư Bicolon, phường N, quận S, thành phố Đ.
65. Bà Võ Thị T12 – Sinh năm 1972. Trú tại: Tổ 35, phường A, quận S, thành phố Đ.
66. Bà Đặng Thị Thu T13 – Sinh năm 1977. Trú tại: K211/65 Đồng Đa, P.Thạch Thang, quận H, thành phố Đ.
67. Ông Phan Trung M4 – Sinh năm 1965. Trú tại: Tổ 102, P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu, thành phố Đ.
68. Bà Trương Thị Xuân PH – Sinh năm 1969. Trú tại: Tổ 110, P.Tam Thuận, quận T, thành phố Đ.,
69. Bà Trần Nguyễn Thảo N4 – Sinh năm 1992. Trú tại: Tổ 04, phường H, quận N, thành phố Đ.,
70. Bà Đặng Thị Đ3 – Sinh năm 1956. Trú tại: K06 Hà Thị Thân, Tổ 25, phường A, Sơn Trà, thành phố Đ.,
71. Bà Nguyễn Thị M5– Sinh năm 1988, Trú tại: K06 Hà Thị Thân, Tổ 25, phường A, Sơn Trà, thành phố Đ.
72. Ông Nguyễn Tấn A1 – Sinh năm 1990. Trú tại: Phòng 312 Khu B chung cư C2, phường N, quận S, thành phố Đ..
73. Bà Hoàng Thị Kim H9 – Sinh năm 1970. Trú tại: Tổ 37, phường N, quận S, thành phố Đ.
74. Bà Ngô Thị PH1 – Sinh năm 1964, trú: Phòng 702 Khu B chung cư C2, phường N, quận S, thành phố Đ.
75. Bà Lê Thị Minh T14 – Sinh năm 1979. Trú tại: Tổ 11, phường M, quận S, thành phố Đ.
76. Bà Mai Thị Thu T15 – Sinh năm 1987. Trú tại: K90/H20/N04/05 Phan Bá Phiến, phường T, quận S, thành phố Đ.
77. Bà Trần Thị Kim PH2 – Sinh năm 1969. Trú Tại: 57 An Hải 20, phường A, quận S, thành phố Đ.
78. Bà Lê Nguyễn Hương G – Sinh năm 2000. Trú tại: 13 Khu C Chung cư C2, phường N, quận S, thành phố Đ.
79. Ông Huỳnh Đức V3 – Sinh năm 1977. Trú tại: K64/9 Paster, phường H 1, quận H, thành phố Đ.

80. Bà Huỳnh Thị T16 – Sinh năm 1979. Trú tại: K64/9 Paster, phường H 1, quận H, thành phố Đ.
81. Bà Tăng Thị Ngọc H11 – Sinh năm 1987. Trú tại: 29 An Nhơn 11, phường A, quận S, thành phố Đ.
82. Bà Nguyễn Thị B7 H12 – Sinh năm 1969. Trú tại: 06 Phan Hành Sơn, phường M, quận N, thành phố Đ.
83. Bà Lê Thị M6 – Sinh năm 1979. Trú tại: Tổ 17, phường N, quận S, thành phố Đ.
84. Bà Đinh Thị Phương T17 – Sinh năm 1985. Trú tại: Tổ 17, phường H, quận T, thành phố Đ.
85. Bà Đặng Thị H13 – Sinh năm 1975. Trú: Số 10 Lý Đạo Thành, phường M, quận S, thành phố Đ.
86. Bà Nguyễn Thị Y – Sinh năm 1991. Trú tại: P.501, Khu D2, chung cư D, phường N, Sơn Trà, thành phố Đ..
87. Bà Nguyễn Thị T18 – Sinh năm 1989. Trú tại: Tổ 7, phường A, quận S, thành phố Đ.
88. Bà Lê Thị Thu V4 – Sinh năm 1978. Trú tại: Tổ 10, phường V, quận T, thành phố Đ.
89. Bà Lê Huỳnh Thu T19 – Sinh năm 1991. Trú tại: Tổ 17, phường T, quận T, thành phố Đ.
90. Bà Trần Thị Kim L6 – Sinh năm 1993, Trú: Tổ 57, phường T, quận S, thành phố Đ.
91. Bà Nguyễn Thị B6 – Sinh năm 1990. Trú tại: Tổ 23, phường N, quận S, thành phố Đ.
92. Bà Đỗ Thị Diệu A2 – Sinh năm 1986. Trú tại: Tổ 51, phường A, quận S, thành phố Đ.
93. Ông Đặng D4 – Sinh năm 1968. Trú tại: Tổ 25 phường A, quận S, thành phố Đ.
94. Bà Nguyễn Thị B7 – Sinh năm 1968. Trú tại: Tổ 83, phường H, quận L, thành phố Đ.
95. Bà Nguyễn Thị Thanh T19 – Sinh năm 1963. Trú tại: Tổ 11, phường T, quận H, thành phố Đ.
96. Bà Phạm Thị Kim PH3 – Sinh năm 1971. Trú: Tổ 37, phường M, quận N, thành phố Đ.
97. Bà Huỳnh Thị Xuân L7 – Sinh năm 1975. Trú tại: Tổ 68, phường H, quận H, thành phố Đ.
98. Ông Hồ Đắc PH4 – Sinh năm 1953, Trú tại: K15/9 Phạm Ngũ Lão, quận H, thành phố Đ.
99. Bà Ngô Thị Diễm L8 – Sinh năm 1975. Trú tại: Tổ 06, phường A, quận S, thành phố Đ.
100. Ông Trần Văn T20 – Sinh năm 1960. Trú tại: Tổ 23, phường V, quận T, thành phố Đ.
101. Bà Nguyễn Thị H28 – Sinh năm 1995. Trú tại: Tổ 136, phường A, quận S, thành phố Đ.
102. Bà Huỳnh Thu T21 – Sinh năm 1961. Trú tại: K50/9/9 Tăng Bạt Hổ- quận H, thành phố Đ.

103. Ông Lê Văn H20 – Sinh năm 1987. Trú tại: xã N, huyện G, tỉnh B.
104. Ông Nguyễn Văn PH5 – Sinh năm 1986. Trú tại: 593 Núi Thành, phường H, quận H, thành phố Đ.
105. Ông Nguyễn Thanh H15 – Sinh năm 1971. Trú tại: 41 Trần Nhật Duật, phường T, quận S, thành phố Đ.
106. Bà Nguyễn Thị L9 – Sinh năm 1995. Trú tại: Tổ 34, phường N, quận S, thành phố Đ.
107. Bà Bùi Thị Thanh M7 – Sinh năm 1988. Trú tại: K33/20 Châu Văn Liêm, phường Thuận Phước, quận H, thành phố Đ.
108. Ông Nguyễn Phan Minh T22 – Sinh năm 1996. Trú tại: Số 8 Nại Hiên Đông 8, quận S, thành phố Đ.
109. Bà Trần Thị Mai L10 – Sinh năm 1988. Trú tại: Phòng 811 chung cư 12T1, phường N, quận S, thành phố Đ.
110. Bà Trần Thị H16– Sinh năm 1978. Trú tại: Tổ 16, phường H, quận C, thành phố Đ.
111. Bà Đặng Thị Phương D5 – Sinh năm 1987. Trú tại: Tổ 68, phường H, quận L, thành phố Đ.
112. Ông Lê Đình H17 - Sinh năm 1983. Trú tại: Tổ 26, phường V, quận T, thành phố Đ.
113. Ông Phan Văn D6 - Sinh năm 1989. Trú tại: 44 Phan Bá Phiến, thành phố Đ.
114. Ông Nguyễn Huy L11 - Sinh năm 1992. Trú tại: 241/10 Đống Đa, thành phố Đ.
115. Bà Trịnh Thị H18 - Sinh năm 1970. Trú: Tổ 38, phường H, quận C, thành phố Đ.
116. Bà Nguyễn Thị Hoài C4 - Sinh năm 1989. Trú: Tổ 43, Hòa Hải, quận N, thành phố Đ.
117. Bà Nguyễn Thị H19 - Sinh năm 1973. Trú: Thôn Tân An, xã L, huyện P, tỉnh T.
118. Bà Trần Thị L12; SN: 1960, trú: Tổ 55- Hòa Hải- Ngũ Hành Sơn, thành phố Đ.,
119. Bà Lê Thị PH6 - Sinh năm 1949. Trú tại: Tổ 23, phường H, quận H, thành phố Đ.
120. Ông Phạm Văn K2 - Sinh năm 1993. Trú: Tổ 5, X. Hoà Liên, H. Hoà Vang, thành phố Đ.
121. Ông Lê Duy PH7 - Sinh năm 1983. Trú tại: Phòng 502 khu A chung cư H, quận C, thành phố Đ.
122. Bà Phạm Thị L13- Sinh năm 1961. Trú tại: Phòng 503 nhà 4 chung cư P, quận C, thành phố Đ.
123. Ông Lê Văn H20 - Sinh năm 1987. Trú tại: K139/H17 Trần Quang Khải, phường T, quận S, thành phố Đ.
124. Bà Phạm Thị Hoàng Y1- Sinh năm 1986. Trú tại: 105 Bà Huyện Thanh Quan, phường M, quận N, thành phố Đ.
125. Bà Nguyễn Thị C5 - Sinh năm 1963. Trú tại: Phòng 613 khu E chung cư Hoà Xuân, quận C, thành phố Đ.
126. Bà Nguyễn Thị Đ4 - Sinh năm 1958. Trú tại: 760 Lê Văn Hiến, phường H, quận N, thành phố Đ.
127. Bà Nguyễn Vương Thi T23 - Sinh năm 1992. Trú tại: 71 Nguyễn Văn Thoại, quận S, thành phố Đ.

128. Bà Dương Thị A3 - Sinh năm 1969. Trú tại: Đa Mặn 7, phường K, quận N, thành phố Đ.
129. Bà Nguyễn Thị Xuân H21 - Sinh năm 1982. Trú: 16B Ông Ích Khiêm, quận H, thành phố Đ.
130. Bà Lê Thị M7 - Sinh năm 1971. Trú tại: 72 Thủ Khoa Huân, quận S, thành phố Đ.
131. Ông Nguyễn Văn K3 - Sinh năm 1960. Trú tại: 34 Núi Thành, quận H, thành phố Đ.
132. Bà Huỳnh Thị M8 - Sinh năm 1975. Trú tại: K54 Lê Văn Thử, quận S, thành phố Đ.
133. Ông Huỳnh Phước H22 - Sinh năm 1986. Trú tại: 504K Lê Văn Hiến, quận N, thành phố Đ.
134. Ông Hồ Diên T24 - Sinh năm 1988. Trú: K276/H2/2 Hải Phòng, quận T, thành phố Đ.
135. Bà Thái Thị Thu S3 - Sinh năm 1976. Trú tại: K710 Lê Văn Hiến, quận N, thành phố Đ.
136. Bà Hà Thị PH8 - Sinh năm 1983, Trú tại: Kiệt Đa Mặn 7, phường K, quận N, thành phố Đ.
137. Bà Bùi Thị Ngọc G1 - Sinh năm 1975. Trú tại: Tổ 6, phường H, quận C, thành phố Đ.
138. Bà Nguyễn Thị L14 - Sinh năm 1978. Trú tại: Tổ 13, phường N, quận S, thành phố Đ.
139. Bà Dương Thị Ngọc N5 - Sinh năm 1976. Trú tại: Tổ 41, phường N, quận S, thành phố Đ.
140. Ông Trịnh Huỳnh M8 - Sinh năm 1967. Trú tại: Tổ 5, phường N, quận S, thành phố Đ.
141. Bà Phạm Thị L15- Sinh năm 1961. Trú tại: Tổ 15, phường C, quận T, thành phố Đ.
142. Bà Trần Thị Thanh M9 - Sinh năm 1967. Trú tại: Tổ 48, phường M, quận N, thành phố Đ.
143. Ông Phạm Văn S4 - Sinh năm 1987. Trú tại: Tổ 38, phường Đ, quận T, thành phố Đ.
144. Bà Huỳnh Thị H23 - Sinh năm 1966. Trú tại: Tổ 13, phường H, quận N, thành phố Đ.
145. Bà Ngô Thị Diễm PH9 - Sinh năm 1992. Trú tại: Tổ 8, phường H, quận C, thành phố Đ.
146. Bà Đặng Thị Thu S5 - Sinh năm 1976. Trú: tại 241/10 Đồng Đa, quận H, thành phố Đ.,
147. Ông Lê Viết H24 - Sinh năm 1974. Trú: Tổ 34, phường A, quận S, thành phố Đ.
148. Bà Lê Thị L16 - Sinh năm 1978. Trú: Tổ 49, phường A, quận S, thành phố Đ.,
149. Bà Nguyễn Thị Kim A4 - Sinh năm 1985. Trú tại: Tổ 41, phường A, quận S, thành phố Đ.
150. Bà Nguyễn Thị L17 - Sinh năm 1963. Trú: Tổ 7, phường T, quận H, thành phố Đ.,
151. Ông Lê Văn H25 - Sinh năm 1975. Trú tại: 74/1 Trưng Nữ Vương, quận H, thành phố Đ.

152. Bà Đỗ Thị L18 - Sinh năm 1965. Trú tại: Tổ 38, P. quận T, quận T, thành phố Đ.
153. Bà Nguyễn Thị Mộc L19 - Sinh năm 1981. Trú: 18/19 Phan Tứ, quận N, thành phố Đ.
154. Bà Phan Thị Mai L20 - Sinh năm 1993. Trú tại: đường Phước Tường 16, quận S, thành phố Đ.
155. Bà Đoàn Thị Thu T25 - Sinh năm 1982. Trú: Tổ 52, phường M, quận N, thành phố Đ.
156. Bà Nguyễn Thị Như A8 - Sinh năm 1984. Trú tại: 18/19 Phan Tứ, quận N, thành phố Đ.
157. Bà Võ Thị N6 - Sinh năm 1964, Trú tại: Tổ 123, phường H, quận L, thành phố Đ.
158. Bà Ngô Thị L21 - Sinh năm 1969. Trú: Tổ 30, phường T, quận T, thành phố Đ.
159. Bà Hồ Thị PH10 - Sinh năm 1985, Trú tại: Tổ 41, P. quận T Đông, quận T, thành phố Đ.
160. Bà Lê Thị H26 - Sinh năm 1994, Trú tại: Tổ 48, phường A, quận S, thành phố Đ.,
161. Bà Phạm Thị Diệu T26 - Sinh năm 1996. Trú tại: K814H84/4 Trần Cao Vân, quận T, thành phố Đ.
162. Ông Lê Hữu H27 - Sinh năm 1994. Trú tại: 127 Võ Trường Toản, quận S, thành phố Đ.
163. Ông Nguyễn Văn S6 - Sinh năm 1977. Trú tại: 66 Bình Kỳ, quận N, thành phố Đ.,
164. Bà Nguyễn Thị H28 - Sinh năm 1971. Trú tại: Tổ 18, phường H, quận L, thành phố Đ.
165. Bà Đỗ Thị K4 - Sinh năm 1972. Trú: K27/31 Nguyễn Huy Tưởng, phường H, quận L, thành phố Đ.
166. Bà Nguyễn Bình Phương A9 - Sinh năm 1990. Trú: 70 Nguyễn Duy Hiệu, quận S, thành phố Đ.
167. Ông Trần Văn T27 - Sinh năm 1988. Trú tại: Tổ 36, phường N, quận S, thành phố Đ.
168. Ông Đặng Chí H29 - Sinh năm 1977. Trú: 47 Cao Bá Quát, quận S, thành phố Đ.
169. Ông Lê Nguyễn Anh T28 - Sinh năm 1983. Trú: 146 Hoàng Bình Sơn, quận S, thành phố Đ.
170. Ông Nguyễn Văn T29 - Sinh năm 1990. Trú: K76/08 Thanh Sơn, quận H, thành phố Đ.
171. Bà Hoàng Nữ Khánh H30 - Sinh năm 1985. Trú: Tổ 74, phường M, quận N, thành phố Đ.
172. Bà Nguyễn Vũ U1 - Sinh năm 1985. Trú tại: 1157 Ngô Quyền, quận S, thành phố Đ.
173. Bà Trần Thị Lệ Q1 - Sinh năm 1984. Trú tại: K158/9 Trần Cao Vân, quận T, thành phố Đ.
174. Bà Phạm Thị Phương Hồng T31 - Sinh năm 1986. Trú tại: 62 Hà Bổng, quận S, thành phố Đ.
175. Ông Trần Xuân S7 - Sinh năm 1969. Trú tại: K36/11 Lý Thái Tổ, phường T, quận T, thành phố Đ.

176. Bà Nguyễn Thị H31 - Sinh năm 1991. Trú tại: Tổ 22A, phường N, quận S, thành phố Đ.
177. Bà Võ Thị C6 - Sinh năm 1957. Trú tại: Tổ 41A, phường N, quận S, thành phố Đ.
(Tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2018, NGUYỄN ĐÌNH T mở Công ty Thương mại và dịch vụ Đại Thủy Sơn Tùng kinh doanh môi giới bất động sản và dịch vụ cho thuê xe du lịch có trụ sở tại Số 99 đường Lý Đạo Thành, thành phố Đ. Vì làm ăn thua lỗ nên đến giữa năm 2018, Tuấn cùng NGUYỄN QUANG D bắt đầu tổ chức hoạt động cho vay lãi nặng để thu lợi với lãi suất 20%/1 tháng, cao gấp 12 lần mức lãi suất quy định. Đến khoảng tháng 2/2019 Tuấn tiếp tục góp vốn với NGUYỄN THANH T1 để tổ chức cho vay lãi nặng. Các đối tượng phân thành 02 nhánh cho vay:

- Nhánh 1 gồm: Nguyễn Đình Tuấn, NGUYỄN QUANG D và Nguyễn Hoàng P. Nhánh này do Tuấn bỏ toàn bộ số vốn ban đầu là 120.000.000đ và giao cho D trực tiếp quản lý.
- Nhánh 2 gồm: Nguyễn Đình T, Nguyễn Thanh T1, Vũ Công M, Trần Phương N. T và T1 góp vốn ban đầu là 370.000.000đ, trong đó (T góp 170.000.000đ, T1 góp 200.000.000đ), nhánh này T1 trực tiếp quản lý.

Hai nhánh cho vay hoạt động độc lập, tự lập sổ sách theo dõi riêng và NGUYỄN ĐÌNH T là người quản lý chung. Để tìm người vay, các đối tượng dán tờ rơi quảng cáo tại nơi công cộng có nội dung hỗ trợ tài chính kèm theo số điện thoại. Khi người có nhu cầu vay tiền thì sẽ gọi điện thoại liên hệ. Sau đó các đối tượng đến nơi ở của người vay xác minh và làm hợp đồng vay. Để phục vụ việc cho vay và lấy tiền nợ của nhánh 1 NGUYỄN ĐÌNH T đã thuê NGUYỄN QUANG D giúp mình quản lý (làm việc từ tháng 7/2018 đến tháng 6/2020 được trả công từ tiền thu lợi bất chính là 134.000.000đ) và thuê NGUYỄN HOÀNG PH (làm việc từ tháng 8/2019 – 6/2020 được trả công từ tiền thu lợi bất chính là 66.000.000đ) đi thu tiền hàng ngày. Đối với nhánh 2, NGUYỄN THANH T1 đã thuê Trần Phương Nam, VŨ CÔNG M đi thu tiền hàng ngày (làm việc từ tháng 3/2020 – 6/2020) và trả công từ tiền thu lợi bất chính cho TRẦN PHƯƠNG N là 22.000.000đ và VŨ CÔNG M là 22.000.000đ. Đối với số tiền thu lợi bất chính, các bị cáo NGUYỄN ĐÌNH T và NGUYỄN THANH T1 lần chia theo phần bằng nhau.

Hoạt động của từng nhánh cho vay cụ thể như sau:

- Nhánh 1 (Nguyễn Đình Tuấn, Nguyễn Quang Duy, Nguyễn Hoàng Phúc) đã cho vay 111 người, trong đó xác định được 45 người vay đã tất toán, 66 người vay chưa tất toán. Cụ thể:

Số người vay đã tất toán xong khoản vay là 45 người, gồm:

1. Bà: **Huỳnh Thị H** (SN: 1968, trú: Tổ 10, phường B, quận H, thành phố Đ.)

Vào tháng 7/2019, bà Huệ có vay của Duy 3 lượt với tổng số tiền vay là 22.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 4.400.000đ, thu lợi bất chính 4.034.800đ.

2. Ông: **Trần H1 Hy** (SN: 1991, trú: Tổ 47 phường N, quận S, thành phố Đ.)

Vào tháng 9/2018, ông Hy vay của Duy 3.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 600.000đ, thu lợi bất chính 550.200đ.

3. Ông: **Nguyễn Hữu S** (SN: 1983, trú: Tổ 33, phường A, quận S, thành phố Đ.).

Vào tháng 11/2018, ông Sinh vay của Duy 5.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 1.000.000đ, thu lợi bất chính 917.000đ.

4. Bà: **Ngô Thị Thanh N** (SN:1982, trú: Tổ 36B1, phường M, quận S, thành phố Đ.

Vào tháng 11/2018, bà Nga vay của Duy 5.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 1.000.000đ , thu lợi bất chính 917.000đ.

5. Ông: **Nguyễn Ngọc B** (SN: 1988, trú: Tổ 18B, phường T, quận H, thành phố Đ.)

Vào tháng 7/2019, ông Bình vay của Duy 02 lượt, mỗi lượt 4.000.000. Tổng số tiền vay là 8.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 1.600.000đ, thu lợi bất chính 1.467.200đ.

6. Bà: **Trần Thị Tố V** (SN: 1979, trú: K94/15 Nguyễn Công Trứ, tổ 6, phường A, quận S, thành phố Đ.)

Vào tháng 9/2018, bà Vân vay của Duy 02 lượt, tổng số tiền vay là 9.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi 1.800.000đ/ 1 tháng, , thu lợi bất chính 1.650.600đ

7. Ông: **Phạm Tấn D** (SN: 1987, trú: K382/50 Núi Thành, quận H, thành phố Đ.).

Tháng 10/2018, ông Đăng vay của Duy 03 lượt, tổng số tiền vay là 15.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 3.000.000đ, thu lợi bất chính 2.751.000đ.

8. Ông: **Nguyễn Văn A** (SN: 1966, trú: Tổ 38, phường N, quận S, thành phố Đ.)

Vào tháng 10/2018, ông Anh vay của Duy 20 lượt, mỗi lượt 5.000.000đ, lượt cuối vay 10.000.000đ. Tổng số tiền 20 lượt vay là 110.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 22.000.000đ , thu lợi bất chính 20.174.000đ.

9. Ông: **Huỳnh Văn B1** (SN: 1969, trú: Tổ 43, phường A, quận S, thành phố Đ.),

Vào tháng 7/2018, ông Báu vay của Duy 3.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 600.000đ, thu lợi bất chính 550.200đ.

10. Bà: **Trần Thị Yến Minh** (SN: 1983, trú Tổ 17, phường H, quận H, Sơn Trà, thành phố Đ.),

Vào tháng 9/2018, bà Minh vay của Duy 6 lượt, mỗi lượt 5.000.000đ , tháng 12/2018 đến tháng 3/2020 Minh tiếp tục vay của Duy 18 lượt, mỗi lượt 10.000.000đ. Tổng cộng 24 lượt vay là 210.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 42.000.000đ, thu lợi bất chính 38.514.000đ.

11. Bà: **Huỳnh Thị Tuyên S1** (SN: 1975, trú: Tổ 51, phường K, quận C, thành phố Đ.)

Vào tháng 11/2018, bà Sang vay của Duy 5 lượt, mỗi lượt 10.000.000đ. Tổng 5 lượt vay là 50.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 10.000.000đ, thu lợi bất chính 9.170.000đ.

12. Bà: **Trần Thị Túy D1** (SN: 1992, trú: Tổ 9, phường N, quận S, thành phố Đ.)

Vào tháng 12/2018, bà Diễm vay của Duy 03 lượt. Tổng số tiền vay là 9.000.000 lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 1.800.000đ, thu lợi bất chính 1.650.000đ.

13. Bà: **Nguyễn Thị Mai V1** (SN: 1969, trú: Tổ 31, phường T, quận S, thành phố Đ.)

Vào khoảng tháng 12/2018, bà Vinh vay của Duy 4 lượt. Tổng số tiền vay là 20.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 4.000.000đ, thu lợi bất chính 3.668.000đ.

14. Bà: **Nguyễn Thị L** (SN: 1973, trú: Số 8 An Cư 5, phường A, quận S, thành phố Đ.)

Vào tháng 01/2018, bà Liên vay của Duy nhiều lượt với tổng số tiền là 70.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 14.000.000đ, thu lợi bất chính 12.838.000đ.

15. Ông: **Lê Văn C** (SN: 1992, trú: Tổ 7, phường T, Sơn Trà, thành phố Đ.)

Vào tháng 11/2018, ông Công vay 03 lượt với tổng số tiền vay là 9.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 1.800.000đ, thu lợi bất chính 1.650.000đ.

16. Ông: **Ngô Văn Q**, (SN:1976, trú: Tổ 49, phường A, quận S, thành phố Đ.)

Vào khoảng cuối năm 2019, ông Quốc vay của Duy 3.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 600.000đ, thu lợi bất chính 550.200đ.

17. Ông: **Mai Đình T**, (SN: 1966, trú:Tổ 21, phường H, quận H, thành phố Đ.).

Vào tháng 12/2018, ông Thành vay của Duy 5.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm tiền lãi đã thu 1.000.000đ, thu lợi bất chính 917.000đ.

18. Bà: **Văn Thị N1**, (SN: 1969, trú: Tổ 17, phường K, quận N, thành phố Đ.)

Vào tháng 11/2018, bà Ngọc vay của Duy 03 lượt. Tổng số tiền vay là 20.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 4.000.000đ, thu lợi bất chính 3.668.000đ.

19. Ông: **Trương Quốc K**, (SN: 1985, trú: Tổ 7, phường H, quận C, thành phố Đ.)

Vào tháng 12/2018, ông Khánh vay của Duy 10.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 2.000.000đ, thu lợi bất chính 1.834.000đ.

20. Ông: **Đặng Tiểu B2**, (SN: 1981, trú: Tổ 17. phường K, quận N, thành phố Đ.)

Vào tháng 12/2018, ông Bình vay của 03 lượt. Tổng số tiền vay là 15.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 3.000.000đ, thu lợi bất chính 2.751.000đ.

21. Bà: **Nguyễn Thị Đ**, (SN: 1951, trú: Tổ 04, phường H, quận N, thành phố Đ.)

Cuối năm 2018, bà Điều vay của Duy 20 lượt. Tổng số tiền vay là 100.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 20.000.000đ, thu lợi bất chính 18.340.000đ.

22. Ông: **Huỳnh Văn S2**, (SN:1991, trú: Tổ 16B, phường T, quận S, thành phố Đ.)

Vào cuối năm 2018, ông Sang vay của Duy nhiều lượt. Tổng số tiền vay là 60.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 12.000.000đ, thu lợi bất chính 11.004.000đ.

23. Bà: **Trần Thị Thanh T1**, (SN: 1993, trú: Tổ 16B, phường T, quận S, thành phố Đ.)

Cuối năm 2018, bà Thúy vay của Duy nhiều lượt. Tổng số tiền vay là 60.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 12.000.000đ, thu lợi bất chính 11.004.000đ.

24. Bà: **Ngô Thị Tùng**, (SN: 1973, trú: Tổ 44, phường T, quận H, thành phố Đ.)

Vào tháng 11/2018, bà Tùng vay của Duy 04 lượt. Tổng số tiền vay là 12.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 2.400.000đ, thu lợi bất chính 2.200.800đ.

25. Ông: **Nguyễn Văn C1**, (SN: 1990, trú: K02/03/08 Trường Sơn, tổ 27, phường H, quận C, thành phố Đ.)

Cuối năm 2018, ông Chính vay của Duy 3.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 600.000đ/ 1 tháng, thu lợi bất chính 550.200đ.

26. Bà: **Lương Thị Cẩm L1**, (SN: 1972, trú: K33/5 Hải Hồ, phường T, quận H, thành phố Đ.)

Cuối năm 2018, bà Lan vay của Duy nhiều lượt. Tổng số tiền vay là 130.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 26.000.000đ, thu lợi bất chính 23.842.000đ.

27. Bà: **Nguyễn Thị Kim L2**, (SN: 1970, trú: K442/H42/23 Hoàng Diệu, phường B, quận H, thành phố Đ.)

Cuối năm 2018, bà Loan vay của Duy 04 lượt. Tổng số tiền vay là 12.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 2.400.000đ, thu lợi bất chính 2.200.800đ.

28. Ông: **Lê Minh T3**, (SN: 1983, trú: 19 Nại Thịnh 3, phường N, quận S, thành phố Đ.)

Vào tháng 10/2018, ông Tuấn vay của Duy 03 lượt, mỗi lượt 5.000.000đ. Tổng số tiền vay là 15.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 3.000.000đ, thu lợi bất chính 2.751.000đ.

29. Bà: **Trần Thị B3**, (SN: 1969, trú: 156 Trương Định, phường M, quận S, thành phố Đ.)

Tháng 5/2018, bà Bốn 04 lượt, mỗi lượt 5.000.000đ. Tổng số tiền vay là 20.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 4.000.000đ, thu lợi bất chính 3.668.000đ.

30. Bà: **Đỗ Thị Kiều C2**, (SN: 2002, trú: P206 Khu A chung cư V, phường N, quận S, thành phố Đ.)

Tháng 11/2018, bà Châu vay của Duy 02 lượt, mỗi lượt 2.000.000đ. Tổng số tiền vay là 4.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 800.000đ, thu lợi bất chính 733.600đ.

31. Bà: **Nguyễn Thị Thủy T4**, (SN: 1981, trú: P306 Nhà C chung cư C2, phường N, quận S, thành phố Đ.)

Tháng 12/2018, bà Trang vay của Duy nhiều lượt. Tổng số tiền vay là 47.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 9.400.000đ, thu lợi bất chính 8.620.000đ.

32. Bà: **Lê Thị H2**, (SN: 1961, trú: P242 chung cư số 4 K, phường N, quận S, thành phố Đ.)

Tháng 12/2018, bà Hương vay của Duy nhiều lượt. Tổng số tiền vay là 22.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 4.400.000đ, thu lợi bất chính 4.034.800đ.

33. Ông: **Nguyễn Đỗ C3**, (SN: 1992, trú: 73 Trần Khát Chân, phường M, quận S, thành phố Đ.)

Tháng 11/2018, ông Châu vay của Duy nhiều lượt. Tổng số tiền vay là 38.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 7.600.000đ, thu lợi bất chính 3.037.200đ.

34. Bà: **Huỳnh Thị Đ1**, (SN: 1975, trú: P206 Khu A chung cư Vĩnh Tân Quang, phường N, quận S, thành phố Đ.)

Cuối năm 2018, ông Đức vay của Duy nhiều lượt. Tổng số tiền vay là 19.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi 3.800.000đ, thu lợi bất chính 3.484.600đ.

35. Ông: **Hồ Văn K1**, (SN: 1969, trú: 12 Nại Hiên Đông 9, phường N, quận S, thành phố Đ.)

Cuối năm 2018, ông Khiêm vay của Duy nhiều lượt. Tổng số tiền vay là 15.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 3.000.000đ, thu lợi bất chính 2.751.000đ.

36. Bà: **Nguyễn Thị D2**, (SN: 1996, trú: P1013 chung cư 12 T2, phường N, quận S, thành phố Đ.)

Tháng 01/2018, bà Diệu vay của Duy 5.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 1.000.000đ/ 1 tháng, , thu lợi bất chính 917.000đ.

37. Ông: **Nguyễn Mạnh T5**, (SN: 1985, trú: P212 chung cư 12 T2, phường N, quận S, thành phố Đ.)

Tháng 11/2018, ông Tiến vay của Duy 5 lượt, 1 lượt 2.000.000đ và 4 lượt 5.000.000. Tổng số tiền 05 lượt vay là 22.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 4.400.000đ, thu lợi bất chính 4.034.800đ.

38. Ông: **Nguyễn Ngọc T6**, (SN: 1972, trú: 223 Lê Tấn Trung, phường T, quận S, thành phố Đ.)

Cuối năm 2018, ông Tấn vay của Duy 05 lượt, lượt 1 vay 3.000.000đ, 4 lượt sau, mỗi lượt vay 5.000.000đ. Tổng số tiền 05 lượt vay là 23.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 4.600.000đ, thu lợi bất chính 4.218.200đ.

39. Bà: **Đặng Thị T7**, (SN: 1973, trú: P302 chung cư A5, phường N, quận S, thành phố Đ.)

Tháng 11/2018, bà Trung vay của Duy 03 lượt, mỗi lượt 5.000.000đ. Tổng cộng 03 lượt vay là 15.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 3.000.000đ, thu lợi bất chính 2.751.000đ.

40. Bà: **Ngô Thị Thúy H3**, (SN: 1952, trú: K26/37, phường T, quận S, thành phố Đ.)

Tháng 12/2018, bà Hồng vay của Duy 03 lượt, mỗi lượt 5.000.000đ. Tổng số tiền 03 lượt vay là 15.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 3.000.000đ, thu lợi bất chính 2.751.000đ

41. Ông: **Lê Quang S3**, (SN: 1989, trú: Tổ 235, P.Hòa Minh, Q.Liên Chiêu, thành phố Đ.)

Cuối năm 2018, ông Sang vay của Duy 07 lượt, 01 lượt 3.000.000đ; 3 lượt 5.000.000đ; 3 lượt 7.000.000đ. Tổng số tiền 7 lượt vay là 39.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 7.800.000đ, thu lợi bất chính 7.152.600đ.

42. Bà: **Võ Thị H4**, (SN: 1970, trú: K62 Nguyễn Phan Vinh, phường T, quận S, thành phố Đ.)

Tháng 12/2018, bà Hạnh vay của Duy 11 lượt, mỗi lượt 3.000.000đ. Tổng số tiền 11 lượt vay là 33.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 6.600.000đ, thu lợi bất chính 6.052.200đ.

43. Ông: **Nguyễn Chí S3**, (SN:1992, trú: 70 Nguyễn Hữu Cầu, phường H, Ngũ Hành Sơn, thành phố Đ.)

Tháng 1/2018, ông Sỹ vay của Duy 03 lượt, mỗi lượt 5.000.000đ. Tổng số tiền 03 lượt vay là 15.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 3.000.000đ, thu lợi bất chính 2.751.000đ.

44. Bà: **Huỳnh Thị M1**, (SN: 1987, trú: 66 An Hải 14, phường A, quận S, thành phố Đ.)

Vào tháng 6/2019, bà Mỹ vay của Duy 04 lượt, lượt 1, 2, 3 vay mỗi lượt 3.000.000đ; lượt 04 vay 4.000.000đ. Tổng số tiền 04 lượt vay là 14.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 2.800.000đ, thu lợi bất chính 2.567.600đ.

45. Ông: **Nguyễn Chí C4**, SN: 1992, trú: Tổ 52-Hòa Phát-Cầm Lệ, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 3/2020, ông Công vay của Duy 5.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 1.000.000đ, thu lợi bất chính 917.000đ.

Số người vay chưa tất toán xong khoản vay là 66 người, gồm:

1. Bà: **Nguyễn Hương T8**, (SN: 1975, trú: Tổ 18, phường T, quận T, thành phố Đ.)

Vào tháng 9/2019, bà Thủy vay của Duy 02 lượt. Tổng số tiền 02 lượt vay là 5.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 1.000.000đ, thu lợi bất chính 917.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 2.000.000đ.

2. Bà: **Nguyễn Đỗ Khánh U**, (SN: 1972, trú: K18/6 Trần Kế Xương, quận H, thành phố Đ.)

Tháng 5/2018, bà Uyên vay của Duy 10.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 2.000.000đ, thu lợi bất chính 1.834.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 9.200.000đ.

3. Bà: **Nguyễn Thị Thu T9**, (SN: 1963, trú: Tổ 45, phường T, quận T, thành phố Đ.)

Tháng 11/2018, bà Thủy vay của Duy 04 lượt, mỗi lượt 2.000.000đ. Tổng số tiền vay là 8.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 1.600.000đ, thu lợi bất chính 1.467.200đ. Số tiền gốc chưa trả là 300.000đ.

4. Bà: **Trần Thị H5**, SN: 1989, trú: Tổ 27, phường A, quận S, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 7/2019, bà Hòa vay của Duy 04 lượt, mỗi lượt 5.000.000đ. Tổng số tiền vay là 20.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 4.000.000đ, thu lợi bất chính 3.668.200đ. Số tiền gốc chưa trả là 3.100.000đ.

5. Bà: **Hà Thị Lệ**, SN: 1989, trú: Tổ 16, phường M, quận S, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 7/2019, bà Lệ vay của Duy 3.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 600.000đ, thu lợi bất chính 550.200đ. Số tiền gốc chưa trả là 1.500.000đ.

6. Bà: **Trần Thị T10**, SN: 1975, trú: Tổ 24, phường T, quận H, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 3/2019, bà Thuận vay của Duy 18.000.000đ lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 3.600.000đ, thu lợi bất chính 3.301.200đ. Số tiền gốc chưa trả là 15.600.000đ.

7. Bà: **Nguyễn Thị D3**, SN: 1960, trú: Tổ 28, Phước Ninh, quận H, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 6/2019, bà Dinh vay của Duy 28.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 5.600.000đ, thu lợi bất chính 5.135.200đ. Số tiền gốc chưa trả là 1.100.000đ.

8. Bà: **Dương Thị Mỹ H6**, SN 1962, trú: Tổ 7, phường A, quận S, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 11/2018, bà Hà vay của Duy 15 lượt, mỗi lượt 5.000.000. Tổng số tiền vay là 75.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 15.000.000đ, thu lợi bất chính 13.755.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 3.000.000đ.

9. Bà: **Nguyễn Thị Thục T11**, SN: 1978, trú: Tổ 28, phường T, quận H, thành phố Đ. ,

Khoảng tháng 11/2018, bà Trinh vay của Duy 5.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 1.000.000đ, thu lợi bất chính 917.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 1.000.000đ.

10. Bà: **Cao Thị M2**, SN: 1972, trú: Tổ 17, phường A, quận S, thành phố Đ. ,

Khoảng tháng 10/2018, bà Mừng vay của Duy 02 lượt. Tổng số tiền vay là 5.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 1.000.000đ, thu lợi bất chính 917.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 2.000.000đ

11. Bà: **Nguyễn Thị Mỹ H7**, SN: 1975, trú: Số 5 Hà Tông Huân, phường T, quận S, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 10/2019, bà Hằng vay của Duy 05 lượt. Tổng số tiền vay là 30.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 6.000.000đ, thu lợi bất chính 5.502.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 4.000.000đ.

12. Ông: **Nguyễn Hữu N3**, SN: 1978, trú: Tổ 33, phường A, quận S, thành phố Đ. ,

Khoảng tháng 6/2019, ông Nhân vay của Duy nhiều lượt với tổng số tiền vay là 30.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 6.000.000đ, thu lợi bất chính 5.502.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 3.200.000đ.

13. Ông: **Nguyễn Thị H28**, SN: 1969, trú: Phòng 516 chung cư C2 Nhà D, phường N, quận S, thành phố Đ. ,

Khoảng tháng 11/2018, bà Hoa vay của Duy 10.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 2.000.000đ, năm, thu lợi bất chính 1.834.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 1.000.000đ

14. Ông: **Nguyễn Văn B8**, SN: 1977, trú: Tổ 69, phường T, quận S, thành phố Đ. ,

Khoảng tháng 9/2018, ông Bình vay của Duy 10 lượt với tổng số tiền vay là 50.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 10.000.000đ, thu lợi bất chính 9.170.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 1.400.000đ.

15. Ông: **Nguyễn Thị L4**, SN: 1984, trú: Tổ 25, phường T, quận S, thành phố Đ.

Khoảng tháng 12/2018, bà Lựu vay của Duy nhiều lượt với tổng số tiền vay là 105.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 21.000.000đ, thu lợi bất chính 19.257.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 8.000.000đ

16. Bà: **Hồ Thị Phương L5**, trú: Tổ 39A, phường A, quận S, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 10/2018, bà Lan vay của Duy 3.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 600.000đ, thu lợi bất chính 550.200đ. Số tiền gốc chưa trả là 1.200.000đ

17. Bà: **Nguyễn Thị L**, SN: 1975, trú: Tổ 5, P.Phước Mỹ, quận S, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 12/2018, bà Liên vay của Duy 10.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 2.000.000đ, thu lợi bất chính 1.834.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 4.000.000đ.

18. Bà: **Văn Thị B5**, SN: 1960, trú: Tổ 27, phường B, quận H, thành phố Đ.

Vào khoảng tháng 11/2018, bà Bạ vay của Duy 03 lượt với tổng số tiền vay là 18.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 3.600.000đ, thu lợi bất chính 3.302.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 7.000.000đ.

19. Ông: **Đỗ Văn Đ2**, SN: 1963, trú: Phòng 206 chung cư Bicolon, phường N, quận S, thành phố Đ.

Vào khoảng tháng 11/2018, ông Đông vay của Duy nhiều lượt với tổng số tiền là 18.500.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 3.700.000đ, thu lợi bất chính 3.392.900đ. Số tiền gốc chưa trả là 2.400.000đ

20. Bà: **Võ Thị T12**, SN: 1972, trú: Tổ 35, phường A, quận S, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 12/2018, bà Thu vay của Duy 20.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 4.000.000đ, thu lợi bất chính 3.668.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 6.000.000đ.

21. Bà: **Đặng Thị Thu Thủy**, SN: 1977, trú: K211/65 Đồng Đa, P.Thạch Thang, quận H, thành phố Đ.

Vào khoảng tháng 6/2019, bà Thủy vay của Duy nhiều lượt với tổng số tiền là 57.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 11.400.000đ, thu lợi bất chính 10.453.800đ. Số tiền gốc chưa trả là 600.000đ.

22. Ông: **Phan Trung Mỹ**, SN: 1965, trú: Tổ 102, P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu, thành phố Đ. ,

Vào khoảng cuối năm 2019, ông Mỹ vay của Duy 05 lượt, mỗi lượt 5.000.000đ. Tổng số tiền vay là 50.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 10.000.000đ, thu lợi bất chính 9.170.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 3.000.000đ.

23. Bà: **Trương Thị Xuân PH**, SN: 1969, trú: Tổ 110, P.Tam Thuận, quận T, thành phố Đ. ,

Khoảng tháng 1/2018, bà Phương vay của Duy 14 lượt với tổng số tiền là 125.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 25.000.000đ, thu lợi bất chính 22.925.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 9.000.000đ.

24. Bà: **Trần Nguyễn Thảo N4** , SN: 1992, trú: Tổ 04, phường H, quận N, thành phố Đ. ,

Khoảng tháng 12/2018, bà Nguyên vay của Duy 12 lượt, mỗi lượt 5.000.000. Tổng số tiền vay là 60.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 12.000.000đ, thu lợi bất chính 11.004.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 800.000đ.

25. Bà: **Đặng Thị Đ3**, SN: 1956, trú: K06 Hà Thị Thân, Tổ 25, phường A, Sơn Trà, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 6/2018, bà Đông vay của Duy 3.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 600.000đ, thu lợi bất chính 550.200đ. Số tiền gốc chưa trả là 600.000đ.

26. Bà: **Nguyễn Thị M5**, SN: 1988, trú: K06 Hà Thị Thân, Tổ 25, phường A, Sơn Trà, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 12/2018, bà My vay của Duy nhiều lượt với tổng số tiền vay là 60.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 12.000.000đ, thu lợi bất chính 11.004.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 3.000.000đ.

27. Ông: **Nguyễn Tấn A1**, SN: 1990, trú: Phòng 312 Khu B chung cư C2, phường N, quận S, thành phố Đ. ,

Khoảng tháng 11/2018, ông Anh vay của Duy 2.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 400.000đ, thu lợi bất chính 366.800đ. Số tiền gốc chưa trả là 1.100.000đ.

28. Bà: **Hoàng Thị Kim H9**, SN: 1970, trú: Tổ 37, phường N, quận S, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 11/2018, bà Hồng vay của Duy 50.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi 10.000.000đ/ 1 tháng, thu lợi bất chính 9.170.000đ (đã thu 1.500.000đ). Số tiền gốc và lãi chưa trả là: 58.500.000đ.

29. Bà: **Ngô Thị PH1**, SN: 1964, trú: Phòng 702 Khu B chung cư C2, phường N, quận S, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 12/2018, bà Phòng vay của Duy 20 lượt với tổng số tiền là 60.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 12.000.000đ, thu lợi bất chính 11.004.000đ. Số tiền gốc còn chưa trả là 900.000đ.

30. Bà: **Lê Thị Minh T14**, SN: 1979, trú: Tổ 11, phường M, quận S, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 11/2018 bà Tuyết vay của Duy 20 lượt, mỗi lượt 5.000.000đ. Tổng số tiền vay là 100.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 20.000.000đ, thu lợi bất chính 18.340.000đ. Số tiền gốc còn chưa trả là 1.100.000đ.

31. Bà: **Mai Thị Thu T15**, SN: 1987, trú: K90/H20/N04/05 Phan Bá Phiến, phường T, quận S, thành phố Đ. ,

Khoảng đầu năm 2019, bà Trang vay của Duy nhiều lượt với tổng số tiền vay là 135.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 27.000.000đ, thu lợi bất chính 24.759.000đ. Số tiền gốc còn chưa trả là 1.000.000đ.

32. Bà: **Trần Thị Kim PH2**, SN: 1969, trú: 57 An Hải 20, phường A, quận S, thành phố Đ. ,

Khoảng tháng 11/2018, bà Phượng vay của Duy 20 lượt với tổng số tiền vay là 100.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 20.000.000đ, thu lợi bất chính 18.340.000đ. Số tiền gốc còn chưa trả là 4.800.000đ.

33. Bà: **Lê Nguyễn Hương G**, SN: 2000, trú: 13 Khu C Chung cư C2, phường N, quận S, thành phố Đ. ,

Khoảng tháng 11/2018, bà Giang vay của Duy 03 lượt với tổng số tiền vay là 9.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 1.800.000đ, thu lợi bất chính 1.650.000đ. Số tiền gốc còn chưa trả là 600.000đ.

34. Ông: **Huỳnh Đức V3**, SN: 1977, trú: K64/9 Paster, phường H 1, quận H, thành phố Đ. ,

Khoảng tháng 01/2018, ông Vũ vay của Duy 03 lượt với tổng số tiền vay là 15.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 3.000.000đ, thu lợi bất chính 2.751.000đ. Số tiền gốc còn chưa trả là 1.500.000đ.

35. Bà: **Huỳnh Thị Thanh**, SN: 1979, trú: K64/9 Paster, phường H 1, quận H, thành phố Đ.

Khoảng tháng 11/2018, bà Thanh có vay của Duy 02 lượt với tổng số tiền vay là 23.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 4.600.000đ, thu lợi bất chính 4.218.200đ. Số tiền gốc còn chưa trả là 600.000đ.

36. Bà: **Tăng Thị Ngọc H11**, SN: 1987, trú: 29 An Nhơn 11, phường A, quận S, thành phố Đ. ,

Khoảng tháng 11/2018 bà Hạnh vay của Duy nhiều lượt với tổng số tiền vay là 15.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm tiền lãi đã thu 3.000.000đ, thu lợi bất chính 2.751.000đ. Số tiền gốc còn chưa trả là 2.000.000đ

37. Bà: **Nguyễn Thị B7 Hợp**, SN: 1969, trú: 06 Phan Hành Sơn, phường M, quận N, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 12/2018, bà Hợp vay của Duy 03 lượt với tổng số tiền vay là 7.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 1.400.000đ, thu lợi bất chính 1.283.800đ. Số tiền gốc còn chưa trả là 1.000.000đ

38. Bà: **Lê Thị M6**, SN: 1979, trú: Tổ 17, phường N, quận S, thành phố Đ. ,

Vào khoảng cuối năm 2018, bà Mến vay của Duy 02 lượt với tổng số tiền vay là 12.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 2.400.000đ, thu lợi bất chính 2.200.800đ. Số tiền gốc còn chưa trả là 5.000.000đ.

39. Bà: **Đinh Thị Phương Thảo**, SN: 1985, trú: Tổ 17, phường H, quận T, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 11/2018, bà Thảo vay của Duy 05 lượt, mỗi lượt 10.000.000đ. Tổng số tiền vay là 60.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 12.000.000đ, thu lợi bất chính 11.004.000đ. Số tiền gốc còn chưa trả là 3.000.000đ.

40. Bà: **Đặng Thị H13**, SN: 1975, trú: Số 10 Lý Đạo Thành, phường M, quận S, thành phố Đ. , .

Vào khoảng tháng 11/2018, bà Hà vay của Duy 07 lượt, mỗi lượt 5.000.000đ. Tổng số tiền vay là 35.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 7.000.000đ, Số tiền gốc còn chưa trả là 200.000đ

41. Bà: **Nguyễn Thị Y**, SN: 1991, trú: P.501, Khu D2, chung cư D, phường N, Sơn Trà, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 7/2019, bà Yến có vay của Duy 05 lượt, mỗi lượt 3.000.000đ. Tổng số tiền vay là 15.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 3.000.000đ, thu lợi bất chính 2.751.000đ. Số tiền gốc còn chưa trả là 700.000đ.

42. Bà: **Nguyễn Thị T18**, SN: 1989, trú: An Hải Bắc- Sơn Trà- thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 4/2020, bà Trang có vay của 02 lượt, mỗi lượt 3.000.000đ. Tổng số tiền vay là 6.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 1.200.000đ, thu lợi bất chính 1.100.400đ. Số tiền gốc còn chưa trả là 750.000đ.

43. Bà: **Lê Thị Thu Vân**, SN: 1978, trú: Tổ 10- Vĩnh Trung- Thanh Khê, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 3/2019, bà Vân vay của Duy 03 lượt với tổng số tiền vay là 35.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 7.000.000đ, thu lợi bất chính 6.419.000đ. Còn nợ lại 2.000.000đ.

44. Bà: **Lê Huỳnh Thu T19**, SN: 1991, trú: Tổ 17- quận T Đông- quận T, thành phố Đ.

Vào khoảng tháng 6/2019, bà Thảo có vay của Duy 02 lượt với tổng số tiền vay là 40.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 8.000.000đ, thu lợi bất chính 7.336.000đ. Số tiền gốc còn chưa trả là 6.000.000đ.

45. Bà: **Trần Thị Kim Loan**, SN: 1993, trú: Tổ 57- Thọ Quang- Sơn Trà, thành phố Đ.

Vào khoảng tháng 9/2018, bà Loan vay của Duy 02 lượt với tổng số tiền vay là 4.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 800.000đ, thu lợi bất chính 733.600đ. Còn nợ lại 1.000.000đ.

46. Bà: **Nguyễn Thị B6**, SN: 1990, trú: Tổ 23- Nại Hiên Đông- Sơn Trà, thành phố Đ. ,

Khoảng tháng 02/2019, bà Bé có vay của Duy 04 lượt với tổng số tiền vay là 20.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 4.000.000đ, thu lợi bất chính 3.668.000đ. Số tiền gốc còn chưa trả là 4.000.000đ.

47. Bà: **Đỗ Thị Diệu A2**, SN: 1986, trú: Tổ 51- An Hải Tây- Sơn Trà, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 12/2019, bà An vay của Duy 06 lượt với tổng số tiền vay là 30.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 6.000.000đ, thu lợi bất chính 5.502.000đ. Số tiền gốc còn chưa trả là 3.000.000đ

48. Ông: **Đặng D4**, SN: 1968, trú: Tổ 25- An Hải Tây- Sơn Trà, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 12/2019, ông Dơm có vay của Duy 06 lượt với tổng số tiền 30.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 6.000.000đ, thu lợi bất chính 5.502.000đ. Số tiền gốc còn chưa trả là 1.200.000đ.

49. Bà: **Nguyễn Thị B7 Thu**, SN: 1968, trú: Tổ 83- Hòa Minh- Liên Chiểu, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 8/2019, bà Thu vay của Duy 07 lượt với tổng số tiền vay là 35.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 7.000.000đ, thu lợi bất chính 6.419.000đ. Số tiền gốc còn chưa trả là 3.100.000đ.

50. Bà: **Nguyễn Thị Thanh T19**, SN: 1963, trú: Tổ 11- Tam Thuận- Hải Châu, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 8/2019, bà Tuyền có vay của Duy 07 lượt với tổng số tiền vay là 35.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 7.000.000đ, thu lợi bất chính 6.419.000đ. Số tiền gốc còn chưa trả là 2.400.000đ.

51. Bà: **Phạm Thị Kim PH3**, SN: 1971, trú: Tổ 37- Mỹ An- Ngũ Hành Sơn, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 3/2019, bà Phương có vay của Duy 09 lượt với tổng số tiền vay là 27.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 5.400.000đ, thu lợi bất chính 4.951.800đ. Số tiền gốc còn chưa trả là 2.400.000đ.

52. Bà: **Huỳnh Thị Xuân L7**, SN: 1975, trú: Tổ 68- Hòa Cường Nam- Hải Châu, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 6/2019, bà Liên có vay của Duy nhiều lượt với tổng số tiền vay là 30.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 6.000.000đ, thu lợi bất chính 5.502.000đ. Số tiền gốc còn chưa trả là 1.000.000đ.

53. Ông: **Hồ Đắc PH4**, SN: 1953, trú: K15/9 Phạm Ngũ Lão- Hải Châu, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 8/2019, ông Phấn có vay nhiều lượt của Duy với tổng số tiền vay là 17.500.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 3.500.000, thu lợi bất chính 3.209.500đ. Số tiền gốc còn chưa trả là 700.000đ.

54. Bà: **Ngô Thị Diễm L8**, SN: 1975, trú: Tổ 06- An Hải Đông- Sơn Trà, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 8/2019, bà Lệ có vay của Duy 02 lượt với tổng số tiền vay là 6.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 1.200.000đ, thu lợi bất chính 1.100.400đ. Còn nợ lại 1.200.000đ.

55. Ông: **Trần Văn T20**, SN: 1960, trú: Tổ 23- Vĩnh Trung- quận T, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 10/2019, ông Trung có vay của Duy nhiều lượt với tổng số tiền vay là 20.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 4.000.000đ, thu lợi bất chính 3.668.000đ. Số tiền gốc còn chưa trả là 1.200.000đ.

56. Bà: **Nguyễn Thị H28**, SN: 1995, trú: Tổ 136- An Hải Bắc- Sơn Trà, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 3/2020, bà Hoa vay của Duy nhiều lượt với tổng số tiền vay là 10.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 2.000.000đ, thu lợi bất chính 1.834.000đ. Số tiền gốc còn chưa trả là 600.000đ.

57. Bà: **Huỳnh Thu T21**, SN: 1961, trú: K50\9/9 Tăng Bạt Hổ- Hải Châu, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 9/2018, bà Trúc có vay của Duy nhiều lượt với tổng số tiền vay là 8.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 1.600.000đ, thu lợi bất chính 1.467.200đ. Số tiền gốc còn chưa trả là 200.000đ.

58. Ông: **Lê Văn H20**, SN: 1987, trú: N- Gia Bình- B,

Vào khoảng tháng 6/2020, ông Hưởng vay của Duy 04 lượt với tổng số tiền là 40.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu là 8.000.000đ, thu lợi bất chính 7.336.000đ. Số tiền gốc còn chưa trả là 9.000.000đ.

59. Ông: **Nguyễn Văn PH5**, SN: 1986, trú: 593 Núi Thành- Hòa Cường Nam- Hải Châu, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 8/2019, ông Phương có vay của Duy 20 lượt với tổng số tiền vay là 100.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 20.000.000đ, thu lợi bất chính 18.340.000đ. Số tiền gốc còn chưa trả là 4.200.000đ.

60. Ông: **Nguyễn Thanh H15**, SN: 1971, trú: 41 Trần Nhật Duật- Thọ Quang, Sơn Trà, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 5/2020, ông Hải có vay của Duy 03 lượt với tổng số tiền vay là 600.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 120.000.000đ, thu lợi bất chính 110.040.000đ. Số tiền gốc còn chưa trả là 200.000.000đ.

61. Bà: **Nguyễn Thị L9**, SN: 1995, trú: Tổ 34- Nại Hiên Đông- Sơn Trà, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 8/2019, bà Linh vay của Duy 03 lượt với tổng số tiền vay là 9.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 1.800.000đ/ 1 tháng, thu lợi bất chính 1.650.600đ. Số tiền gốc chưa trả là 700.000đ.

62. Bà: **Bùi Thị Thanh M7**, SN: 1988, trú: K33/20 Châu Văn Liêm-Thuận Phước-Hải Châu, thành phố Đ.

Khoảng tháng 01/2020, bà Mai có vay của Duy nhiều lượt với tổng số tiền vay là 39.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 7.800.000đ, thu lợi bất chính 7.152.600đ. Số tiền gốc chưa trả là 7.600.000đ.

63. Ông: **Nguyễn Phan Minh T22**, SN: 1996, trú: Số 8 Nại Hiên Đông 8 - Sơn Trà, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 5/2020, ông Tuấn vay của Duy 03 lượt với tổng số tiền vay là 25.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 5.000.000đ, thu lợi bất chính 4.585.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 10.800.000đ.

64. Bà: **Trần Thị Mai L10**, SN: 1988, trú: Phòng 811 chung cư 12T1, phường N, Sơn Trà, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 6/2020, bà Ly vay của Duy 03 lượt với tổng số tiền vay là 45.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 9.000.000đ, thu lợi bất chính 8.253.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 9.600.000đ.

65. Bà: **Trần Thị H**, SN: 1978, trú: Tổ 16, P Hòa Phát, quận C, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 6/2020, bà Huệ vay của Duy 03 lượt với tổng số tiền vay là 18.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 3.600.000đ, thu lợi bất chính 3.301.200đ, Số tiền gốc chưa trả là 7.000.000đ

66. Bà: **Đặng Thị Phương D5**, SN: 1987, trú: Tổ 68, P. Hòa Khánh Bắc, quận L, thành phố Đ. ,

Vào tháng 5/2020, bà Dung vay của Duy 02 lượt, với tổng số tiền vay là 10.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 2.800.000đ, thu lợi bất chính 2.567.600đ. Số tiền gốc chưa trả là 3.000.000đ.

Tổng số tiền còn nợ là: 459.850.000đ.

Như vậy, nhánh 1 của Nguyễn Đình Tuấn, Nguyễn Quang Duy, NGUYỄN HOÀNG PH đã cho 111 người vay với tổng số tiền cho vay, tiền còn nợ lại và thu lợi bất chính như sau:

- Tổng số tiền cho vay là: 4.213.800.000đ, trong đó số tiền gốc đã thu được là 3.753.950.000đ; số tiền gốc người vay còn nợ 459.850.000đ.
- Tổng số tiền lãi đã nhận là: 842.760.000đ, trong đó tiền lãi được thu là 69.949.080đ; số tiền thu lợi bất chính là 772.810.920đ

Như vậy, số tiền thu lợi bất chính là **842.760.000 – 69.949.080 = 772.810.920đ, với lãi suất cao gấp 12 lượt mức lãi suất quy định tại Bộ luật dân sự.**

Nhánh 2 (Nguyễn Đình Tuấn, Nguyễn Thanh Toàn, Vũ Công Minh, Trần Phương Nam) đã cho 64 người vay, trong đó xác định được 08 người vay đã tất toán và 56 người vay chưa tất toán, cụ thể:

Số người vay đã tất toán xong khoản vay là 08 người, gồm:

1. Ông: **Lê Đình H17**, SN: 1983, trú: Tổ 26, P.Vĩnh Trung, quận T, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 3/2020, ông Hoàn vay của Toàn 03 lượt với tổng số tiền vay là 15.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 3.000.000đ, thu lợi bất chính 2.751.000đ.

2. Ông: **Phan Văn Dũng**, SN: 1989, trú: Số 44 Phan Bá Phiến- Thọ Quang- Sơn Trà, thành phố Đ. ,

Khoảng cuối năm 2018, ông Dũng có vay của Toàn 10.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 2.000.000đ, thu lợi bất chính 1.834.000đ.

3. Ông: **Nguyễn Huy L11**, SN: 1992, trú: 241/10 Đống Đa- Hải Châu, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 2/2019, ông Lộc vay của Toàn 10.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 2.000.000đ, thu lợi bất chính 1.834.000đ.

4. Bà: **Trịnh Thị H18**, SN: 1970, trú: Tổ 38- Hòa An- Cẩm Lệ, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 3/2020, bà Hiền vay của Toàn nhiều lượt với tổng số tiền vay là 65.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 13.000.000đ, thu lợi bất chính 11.921.000đ.

5. Bà: **Nguyễn Thị Hoài C4**, SN: 1989, trú: Tổ 43- Hòa Hải,- Ngũ Hành Sơn, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 4/2019, bà Hậu vay của Toàn 02 lượt, với tổng số tiền vay là 20.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi 4.000.000đ, thu lợi bất chính 3.668.000đ.

6. Bà: **Nguyễn Thị H19**, SN: 1973, trú: Lộc Bình- Phú Lộc- TT Huế,

Vào khoảng tháng 12/2019, bà Hương vay của Toàn 12.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm tiền lãi đã thu 2.400.000đ, thu lợi bất chính 2.200.800đ.

7. Bà: **Trần Thị L12**, SN: 1960, trú: Tổ 55- Hòa Hải- Ngũ Hành Sơn, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 10/2018, bà Liên vay của Toàn 2.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 400.000đ, thu lợi bất chính 366.800đ.

8. Bà: **Lê Thị PH6**, SN: 1949, trú: Tổ 23- Hòa Cường Nam- Hải Châu, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 12/2018, bà Pha vay của Toàn 12 lượt với tổng số tiền vay là 24.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 4.800.000đ, thu lợi bất chính 4.401.600đ.

Số người vay chưa tất toán xong khoản vay là 56 người, gồm:

1. Ông: **Phạm Văn K2**, SN: 1993, trú: tổ 5, X. Hoà Liên, H. Hoà Vang, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 5/2020, ông Khánh vay của Toàn 06 lượt với tổng số tiền vay là 60.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 12.000.000đ, thu lợi bất chính 11.004.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 9.000.000đ.

2. Ông: **Lê Duy PH7**, SN: 1983, trú: Phòng 502 khu A chung cư Hoà Xuân, Q. Cẩm Lệ, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 5/2020, ông Phương vay của Toàn nhiều lượt với tổng số tiền vay là 24.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 4.800.000đ, thu lợi bất chính 4.402.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 4.400.000đ.

3. Bà: **Phạm Thị Lan**, SN: 1961, trú: Phòng 503 nhà 4 chung cư Phước Lý, quận C, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 4/2020, bà Lan vay của Toàn 03 lượt với tổng số tiền vay là 12.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 2.400.000đ, thu lợi bất chính 2.200.800đ. Số tiền gốc chưa trả là 3.200.000đ.

4. Ông: **Lê Văn H20**, SN: 1987, trú: K139/H17, phường T, quận S, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 6/2020, ông Hưởng vay của Toàn 40.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 8.000.000đ, thu lợi bất chính 7.336.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 9.000.000đ.

5. Bà: **Phạm Thị Hoàng Yến**, SN: 1986, trú: 105 Bà Huyện Thanh Quan, phường M, quận N, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 10/2019, bà Yến vay của Toàn nhiều lượt với tổng số tiền vay là 50.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 10.000.000đ, thu lợi bất chính 9.170.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 4.000.000đ.

6. Bà: **Nguyễn Thị C5**, SN: 1963, trú: Phòng 613 khu E chung cư Hoà Xuân, quận C, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 3/2020, bà Cúc vay của Toàn nhiều lượt với tổng số tiền vay là 130.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 26.000.000đ, thu lợi bất chính 23.842.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 4.000.000đ.

7. Bà: **Nguyễn Thị Đ4**, SN: 1958, trú: 760 Lê Văn Hiến, phường H, quận N, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 5/2020, bà Đợi vay của Toàn 6.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 1.200.000đ, thu lợi bất chính 1.100.400đ. Số tiền gốc chưa trả là 1.200.000đ.

8. Bà: **Nguyễn Vương Thi T23**, SN: 1992, trú: 71 Nguyễn Văn Thoại, quận S, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 3/2020, bà Thi vay của Toàn nhiều lượt với tổng số tiền vay là 30.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi 6.000.000đ, thu lợi bất chính 5.502.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 9.000.000đ.

9. Bà: **Dương Thị A3**, SN: 1969, trú: Đa Mặn 7, phường K, quận N, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 3/2020, bà Ánh vay của Toàn nhiều lượt với tổng số tiền vay là 15.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 3.000.000đ, thu lợi bất chính 2.751.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 8.000.000đ.

10. Bà: **Nguyễn Thị Xuân H21**, SN: 1982, trú: 16B Ông Ích Khiêm, quận H, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 6/2018, bà Hoa vay của Toàn nhiều lượt với tổng số tiền vay là 360.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 72.000.000đ, thu lợi bất chính 66.024.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 22.000.000đ.

11. Bà: **Lê Thị M7**, SN: 1971, trú: 72 Thủ Khoa Huân, quận S, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 12/2019, bà Mai vay của Toàn nhiều lượt với tổng số tiền vay là 35.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 7.000.000đ, thu lợi bất chính 6.419.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 15.000.000đ.

12. Ông: **Nguyễn Văn K3**, SN: 1960, trú: 34 Núi Thành, quận H, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 8/2018, ông Khai vay của Toàn nhiều lượt với tổng số tiền vay là 54.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 10.800.000đ, thu lợi bất chính 9.903.600đ. Số tiền gốc chưa trả là 1.000.000đ.

13. Bà: **Huỳnh Thị M8**, SN: 1975, trú: K54 Lê Văn Thứ, quận S, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 02/2020, bà Mai vay của Toàn nhiều lượt với tổng số tiền vay là 82.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 16.400.000đ, thu lợi bất chính 15.038.800đ. Số tiền gốc chưa trả là 4.000.000đ.

14. Ông: **Huỳnh Phước H22**, SN: 1986, trú: 504K Lê Văn Hiến, quận N, thành phố Đ.

Vào khoảng tháng 5/2020, ông Hiếu vay của Toàn nhiều lượt với tổng số tiền vay là 30.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 6.000.000đ, thu lợi bất chính 5.502.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 4.400.000đ.

15. Ông: **Hồ Diên T24**, SN: 1988, trú: K276/H2/2 Hải Phòng, quận T, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 7/2019, ông Hồ Diên T24 vay của Toàn 100.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 20.000.000đ, thu lợi bất chính 18.340.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 15.000.000đ.

16. Bà: **Thái Thị Thu S3**, SN: 1976, trú: K710 Lê Văn Hiến, quận N, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 7/2019, bà Sương vay của Toàn 10.000.000đ, tiền lãi 2.000.000đ/1 tháng, lãi suất 240%/1 năm, thu lợi bất chính 1.834.000đ. Còn nợ lại 2.600.000đ.

17. Bà: **Hà Thị PH8**, SN: 1983, trú: Kiệt Đa Mặn 7, phường K, quận N, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 6/2020, bà Phương có vay của Toàn 30.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 6.000.000đ, thu lợi bất chính 5.502.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 16.000.000đ.

18. Bà: **Bùi Thị Ngọc G1**, SN: 1975, trú: Tổ 6, phường H, quận C, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 08/2019, bà Gái có vay của Toàn nhiều lượt với tổng số tiền vay là 23.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 4.600.000đ, thu lợi bất chính 4.218.200đ. Số tiền gốc chưa trả là 8.640.000đ.

19. Bà: **Nguyễn Thị B7 Liễu**, SN: 1978, trú: Tổ 13, phường N, quận S, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 2/2020, bà Liễu có vay của Toàn 5.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 1.000.000đ, thu lợi bất chính 917.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 3.000.000đ.

20. Bà: **Dương Thị Ngọc N5**, SN: 1976, trú: Tổ 41, phường N, quận S, thành phố Đ. ,

Vào khoảng đầu năm 2019, bà Nguyệt có vay của Toàn 02 lượt với tổng số tiền vay là 80.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 16.000.000đ, thu lợi bất chính 14.672.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 36.000.000đ.

21. Ông: **Trịnh Huỳnh M8**, SN: 1967, trú: Tổ 5, phường N, quận S, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 8/2017, ông Minh vay của Toàn 03 lượt với tổng số tiền vay là 60.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 12.000.000đ, thu lợi bất chính 11.004.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 17.000.000đ.

22. Bà: **Phạm Thị Lan**, SN: 1961, trú: Tổ 15, phường C, quận T, thành phố Đ. ,

Vào khoảng đầu năm 2019, bà Lan có vay của Toàn 03 lượt với tổng số tiền vay là 12.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 7.600.000đ, thu lợi bất chính 7.400.800đ. Số tiền gốc chưa trả là 3.360.000đ.

23. Bà: **Trần Thị Thanh M9**, SN: 1967, trú: Tổ 48, phường M, quận N, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 12/2019, bà Minh có vay của Toàn 10.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 2.000.000đ, thu lợi bất chính 1.834.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 8.000.000đ.

24. Ông: **Phạm Văn S4**, SN: 1987, trú: Tổ 38, P. quận T Đông, quận T, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 8/2019, ông Sáng có vay của Toàn nhiều lượt với tổng số tiền vay là 18.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 3.600.000đ, thu lợi bất chính 3.301.200đ. Số tiền gốc chưa trả là 1.000.000đ.

25. Bà: **Huỳnh Thị H23**, SN: 1966, trú: Tổ 13, phường H, quận N, thành phố Đ. ,

Vào khoảng cuối năm 2018, bà Hồng có vay của Toàn 02 lượt với tổng số tiền là 8.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 1.600.000đ, thu lợi bất chính 1.467.200đ. Số tiền gốc chưa trả là 2.300.000đ.

26. Bà: **Ngô Thị Diễm PH9**, SN: 1992, trú: Tổ 8, phường H, quận C, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 4/2018, bà Phúc vay của Toàn 02 lượt với tổng số tiền vay là 10.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 2.000.000đ, thu lợi bất chính 1.834.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 3.000.000đ.

27. Bà: **Đặng Thị Thu S5**, SN: 1976, trú: 241/10 Đồng Đa, quận H, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 4/2019, bà Sương vay của Toàn nhiều lượt với tổng số tiền vay là 25.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 5.000.000đ, thu lợi bất chính 4.585.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 2.200.000đ.

28. Ông: **Lê Viết H24**, SN: 1974, trú: Tổ 34, phường A, quận S, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 12/2019, ông Hưng có vay của Toàn 02 lượt với tổng số tiền vay là 10.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 2.000.000đ, thu lợi bất chính 1.834.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 4.400.000đ.

29. Bà: **Lê Thị L16**, SN: 1978, trú: Tổ 49, phường A, quận S, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 4/2020, bà Liên có vay của Toàn 02 lượt với tổng số tiền vay là 10.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi 12.000.000đ, thu lợi bất chính 1.834.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 1.600.000đ.

30. Bà: **Nguyễn Thị Kim A4**, SN: 1985, trú: Tổ 41, phường A, quận S, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 7/2018, bà Anh vay của Toàn lượt 7.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 1.400.000đ, thu lợi bất chính 1.283.800đ. Số tiền gốc chưa trả là 450.000đ.

31. Bà: **Nguyễn Thị L17**, SN: 1963, trú: Tổ 7, phường T, quận H, thành phố Đ. ,

Vào khoảng đầu năm 2020, bà Lan vay của Toàn 04 lượt với tổng số tiền là 38.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 7.600.000đ, thu lợi bất chính 6.969.200đ. Số tiền gốc chưa trả là 7.600.000đ.

32. Ông: **Lê Văn H25**, SN: 1975, trú: 74/1 Trưng Nữ Vương, quận H, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 11/2019, ông Hòa vay của Toàn 20.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 4.000.000đ, thu lợi bất chính 3.668.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 2.400.000đ.

33. Bà: **Đỗ Thị Loan**, SN: 1965, trú: Tổ 38, P. quận T, quận T, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 8/2019, bà Loan vay của Toàn nhiều lượt với tổng số tiền vay là 35.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 7.000.000đ, thu lợi bất chính 6.419.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 1.200.000đ.

34. Bà: **Nguyễn Thị Mộc L19**, SN: 1981, trú: 18/19 Phan Tứ, quận N, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 3/2019, bà Lai vay của Toàn nhiều lượt với tổng số tiền vay là 70.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 14.000.000đ, thu lợi bất chính 11.004.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 5.600.000đ.

35. Bà: **Phan Thị Mai L20**, SN: 1993, trú: Phước Tường 16, quận S, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 8/2019, bà Ly vay của Toàn nhiều lượt với tổng số tiền vay là 85.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 17.000.000đ, thu lợi bất chính 13.755.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 6.000.000đ.

36. Bà: **Đoàn Thị Thu T25**, SN: 1982, trú: Tổ 52, phường M, quận N, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 3/2020, bà Thủy vay của Toàn nhiều lượt với tổng số tiền vay là 23.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 4.600.000đ, thu lợi bất chính 4.218.200đ. Số tiền gốc chưa trả là 2.000.000đ.

37. Bà: **Nguyễn Thị Như A8**, SN: 1984, trú: 18/19 Phan Tứ, quận N, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 4/2019, bà Anh vay của Toàn nhiều lượt với tổng số tiền vay là 70.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 14.000.000đ, thu lợi bất chính 11.004.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 6.000.000đ.

38. Bà: **Võ Thị N6**, SN: 1964, trú: Tổ 123, phường H, quận L, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 6/2019, bà Nhựt vay của Toàn 03 lượt với tổng số tiền vay là 12.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 2.400.000đ, thu lợi bất chính 2.200.800đ. Số tiền gốc chưa trả là 1.000.000đ.

39. Bà: **Ngô Thị L21**, SN: 1969, trú: Tổ 30, phường T, quận T, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 12/2019, bà Liên vay của Toàn nhiều lượt với tổng số tiền vay là 33.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 6.600.000đ, thu lợi bất chính 6.052.200đ. Số tiền gốc chưa trả là 2.000.000đ.

40. Bà: **Hồ Thị PH10**, SN: 1985, trú: Tổ 41, P. quận T Đông, quận T, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 9/2019, bà Phượng vay của Toàn 03 lượt với tổng số tiền vay là 30.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 6.000.000đ, thu lợi bất chính 5.502.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 4.000.000đ.

41. Bà: **Lê Thị H26**, SN: 1994, trú: Tổ 48, phường A, quận S, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 10/2018, bà Hương vay của Toàn 02 lượt với tổng số tiền vay là 9.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 1.800.000đ, thu lợi bất chính 1.650.600đ. Số tiền gốc chưa trả là 6.000.000đ.

42. Bà: **Phạm Thị Diệu T26**, SN: 1996, trú: K814H84/4 Trần Cao Vân, quận T, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 9/2019, bà Thu vay của Toàn 12.500.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 2.500.000đ, thu lợi bất chính 2.292.500đ. Số tiền gốc chưa trả là 3.000.000đ.

43. Ông: **Lê Hữu H27** SN: 1994, trú: 127 Võ Trường Toản, quận S, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 2/2020, ông Hoàng vay của Toàn 03 lượt với tổng số tiền vay là 20.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 4.000.000đ, thu lợi bất 3.668.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 5.000.000đ.

44. Ông: **Nguyễn Văn S6**, SN: 1977, trú: 66 Bình Kỳ, quận N, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 9/2019, ông Sỹ vay của Toàn 65.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 13.000.000đ, thu lợi bất chính 11.921.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 46.000.000đ.

45. Bà: **Nguyễn Thị H28**, SN: 1971, trú: Tổ 18, phường H, quận L, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 02/2019, bà Hoa vay của Toàn 10 lượt với tổng số tiền vay là 55.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 11.000.000đ, thu lợi bất chính 10.087.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 8.000.000đ.

46. Bà: **Đỗ Thị K4**, SN: 1972, trú: K27/31 Nguyễn Huy Tưởng, phường H, quận L, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 01/2020, bà Kỳ vay của Toàn 10.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 2.000.000đ, thu lợi bất chính 1.834.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 600.000đ.

47. Bà: **Nguyễn Bình Phương A9**, SN: 1990, trú: 70 Nguyễn Duy Hiệu, quận S, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 02/2019, bà Ánh vay của Toàn nhiều lượt với tổng số tiền vay là 120.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 24.000.000đ, thu lợi bất chính 22.008.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 9.200.000đ.

48. Ông: **Trần Văn T27**, SN: 1988, trú: Tổ 36, phường N, quận S, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 3/2018, ông Tâm vay của Toàn 18.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 3.600.000đ, thu lợi bất chính 3.301.200đ. Số tiền gốc chưa trả là 3.200.000đ.

49. Ông: **Đặng Chí H29**, SN: 1977, trú: 47 Cao Bá Quát, quận S, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 3/2020, ông Hưng có vay của Toàn 10.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 2.000.000đ, thu lợi bất chính 1.834.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 2.600.000đ.

50. Ông: **Lê Nguyễn Anh T28**, SN: 1983, trú: 146 Hoàng Bình Sơn, quận S, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 3/2020, ông Tuấn có vay của Toàn nhiều lượt với tổng số tiền vay là 33.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 6.600.000đ, thu lợi bất chính 6.052.200đ. Số tiền gốc chưa trả là 1.300.000đ.

51. Ông: **Nguyễn Văn T29**, SN: 1990, trú: K76/08 Thanh Sơn, quận H, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 5/2020, ông Thanh vay của Toàn 40.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 8.000.000đ, thu lợi bất chính 7.336.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 4.000.000đ.

52. Bà: **Hoàng Nữ Khánh H30** SN: 1985, trú: Tổ 74, phường M, quận N, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 6/2020, bà Hiền vay của Toàn 8.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 1.600.000đ, thu lợi bất chính 1.467.200đ. Số tiền gốc chưa trả là 3.600.000đ.

53. Bà: **Nguyễn Vũ U1**, SN: 1985, trú: 1157 Ngô Quyền, quận S, thành phố Đ. ,

Trong năm 2019, bà Uyên có vay của Toàn nhiều lượt với tổng số tiền vay là 71.500.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 14.300.000đ, thu lợi bất chính 13.156.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 11.000.000đ.

54. Bà: **Trần Thị Lệ Q1** SN: 1984, trú: K158/9 Trần Cao Vân, quận T, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 6/2019, bà Quyên vay của Toàn nhiều lượt với tổng số tiền là 89.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 17.800.000đ, thu lợi bất chính 16.322.600đ. Số tiền gốc chưa trả là 7.920.000đ.

55. Bà: **Phạm Thị Phương Hồng T31**, SN: 1986, trú: 62 Hà Bồng, quận S, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 9/2019, bà Thúy vay của Toàn 30.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 6.000.000đ, thu lợi bất chính 5.502.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 22.000.000đ.

56. Ông: **Trần Xuân S7**, SN: 1969, trú: K36/11 Lý Thái Tổ, phường T, quận T, thành phố Đ. ,

Vào khoảng tháng 11/2019, ông Sơn vay của Toàn nhiều lượt với tổng số tiền vay là 125.000.000đ, lãi suất 240%/1 năm, tiền lãi đã thu 25.000.000đ, thu lợi bất chính 22.925.000đ. Số tiền gốc chưa trả là 6.300.000đ.

Tổng số tiền còn nợ là 402.470.000đ

Như vậy, nhánh 2 của Nguyễn Đình Tuấn, Nguyễn Thanh Toàn, Vũ Công Minh, TRẦN PHƯƠNG N đã cho 64 người vay với tổng số tiền cho vay, tiền còn nợ lại và thu lợi bất chính như sau:

- Tổng số tiền cho vay là: 2.636.000.000đ, trong đó số tiền gốc đã thu được là 2.233.530.000đ; số tiền gốc người vay còn nợ 402.470.000đ.

- Tổng số tiền lãi đã nhận là: 527.200.000đ, trong đó tiền lãi được thu là 43.757.600đ; số tiền thu lợi bất chính là 483.442.400đ

Như vậy, số tiền thu lợi bất chính là **527.200.000 – 43.757.600 = 483.442.400đ, với lãi suất cao gấp 12 lần mức lãi suất quy định tại Bộ luật dân sự.**

Đối với những người vay không làm việc được của nhánh 1 và nhánh 2 gồm: Ông: Võ Như Hiền; bà: Trần Thị Ngọc Mai, Ông: Nguyễn Anh Tuấn; Bà: Trần Thị Thanh Tâm; Bà: Nguyễn Thị Trúc Giang; Bà: Lê Thị Nguyệt; Bà: Trần Thị Tố Châu; Bà: Mai Thị Mười; Ông: Phan Văn Lý; Bà: Hồ Thị Hương; Bà: Nguyễn Thị Vân; Bà: Hồ Thị Thìn; Bà: Trần Thị; Bà: Nguyễn Thị Bảy; Ông: Phan Sĩ Hoàng; Ông: Lê Ngọc Vũ; Bà: Nguyễn Thị Trâm; Bà: Võ Thị Kiều Nhung; Bà: Ngô Thị Thùy Linh; Bà: Phan Thị Hiệp; Ông: Lê Văn Mỹ; Ông: Lê Đức Vinh; Ông: Mai Văn Thành; Ông: Văn Thanh Dũng; Bà: Lê Thị Thanh Trà; Bà: Nguyễn Thị Thắm; Bà: Nguyễn Thị Lâm; Bà: Võ Thị Hoa Sen; Bà: Hồ Thị Thúy Nga; Ông: Nguyễn Văn Trung; Bà: Nguyễn Thị Giầy; Bà: Phạm Thị Trông; Bà: Nguyễn Thị Phương Dung; Bà: Hồ Thị Thu; Bà: Bùi Thị Thanh Hồng; Ông: Từ Sơn Pho; Bà: Hồ Thị Hồng; Bà: Nguyễn Thị Thiêm; Ông: Nguyễn Quốc Bửu Chương; Ông: Đặng Văn Quang; Ông: Phan Cao Sương; Ông: Nguyễn Bảo; Ông: Hoàng Trọng Việt;

Bà: Phan Thị Thanh; Bà: Lê Thị Nhung; Bà: Huỳnh Thị H; Ông: Nguyễn Phước An Khang; Bà: Nguyễn Thị Xí; Bà: Mai Thị Vy; Bà: Lê Thị Hồng Tuấn; Ông: Kim Long Thắng; Bà: Nguyễn Thị Anh; Bà: Võ Thị Kim Hạnh; Ông: Lê Đức Tuấn Phát; Ông: Nguyễn Mạnh; Bà: Nguyễn Thị Hồng; Ông: Lê Thành Long; Bà: Mai Thị Thanh Sang; Ông: Võ Văn Huy; Bà: Nguyễn Thị L9; Ông: Văn Công Lợi; Bà: Phan Thị Cúc; Ông: Hồ Văn Vũ; Ông: Nguyễn Minh Hương; Ông: Đào Xuân Thư; Bà: Mai Kim Hoa; Bà: Mai Thị Phụng; Bà: Phan Mai; Bà: Lê Hồng Nhung; Bà: Mai Thị Hường; Bà: Hoàng Thị Mai; Ông: Võ Văn Thành Ông: Trần H1uệ; Bà: Nguyễn Thu Vinh; Bà: Nguyễn Hoàng Ánh; Ông: Lê Văn Trường; Ông: Nguyễn Trung Anh; Ông: Phan Đất; Bà: Huỳnh Hoài Trang; Bà: Đặng Kim Anh; Bà: Bùi Thị Mai; Bà: Nguyễn Thị Sâm; Ông: Trần Viết Thăm; Bà: Phạm Hồng Thủy; Ông: Lê Anh Nguyên; Bà: Nguyễn Phương Dung; Ông: Mai Nguyên; Bà: Nguyễn Thị Trâm; Ông: Lê Văn; Bà: Đinh Phương Thảo; Ông: Trần Minh Thanh; Ông: Vương Công Thành; Bà: Trương Hà Uyên; Bà: Phạm Thị Mỹ; Bà: Đặng Thu Thủy; Ông: Nguyễn Minh Tuấn; Ông: Võ Anh Việt; Bà: Nguyễn Diệu Linh; Bà: Hoàng Hải Tuyết; Ông: Nguyễn Thanh H15; Ông: Nguyễn Long; Ông: Lê Tiến; Bà: Huỳnh Thanh Thủy; Bà: Nguyễn Thị Liễu; Bà: Nguyễn Như Anh; Ông: Lê Hoàng; Bà: Nguyễn Thu Phong; Bà: Tân Bích Diệu. Cơ quan CSĐT- Công an quận Ngũ Hành Sơn sẽ làm rõ và xử lý sau.

Với nội dung trên, tại bản cáo trạng số: 04/CT-VKS-NHS ngày 26/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đ. thì các bị cáo Nguyễn Đình Tuấn, Nguyễn Thanh Toàn, Nguyễn Quang Duy, Nguyễn Hoàng Phúc, Vũ Công Minh, TRẦN PHƯƠNG N bị truy tố về tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn thành phố Đ. thực hành quyền công tố nhà nước vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố các bị cáo về tội danh như đã nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt **NGUYỄN ĐÌNH T** từ 12 đến 15 tháng tù.

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt **NGUYỄN THANH T1** từ 9 đến 12 tháng tù.

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt **NGUYỄN QUANG Đ** bằng với thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam. Trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu, bị cáo không phạm tội nào khác.

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt **TRẦN PHƯƠNG N** bằng với thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam. Trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu, bị cáo không phạm tội nào khác.

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt **NGUYỄN HOÀNG PH** bằng với thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam.

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt **VŨ CÔNG M** bằng với thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên truy thu sung công quỹ nhà nước đối với số tiền là phương tiện phạm tội của các bị cáo:

+Nguyễn Đình Tuấn: Số tiền cho vay 4.870.715.000đ, trong đó: 3.753.950.000đ (nhánh 1); 1.116.765.000đ (nhánh 2).

+Nguyễn Thanh Toàn: Số tiền cho vay 1.116.765.000đ.

- Truy thu số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo là 1.256.253.320đ. Trong đó :

+ NGUYỄN ĐÌNH T 792.532.120đ;

+ NGUYỄN THANH T1 219.721.200đ;

+ NGUYỄN QUANG D34.000.000đ;

+ NGUYỄN HOÀNG PH 66.000.000đ;

+ VŨ CÔNG M 22.000.000đ;

+ TRẦN PHƯƠNG N 22.000.000đ.

- Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền gốc chưa trả để sung công quỹ Nhà nước, cụ thể:

+ Bà: Nguyễn Hương T8 1.083.000đ;

+ Bà: Nguyễn Đỗ Khánh U 7.366.000đ;

+ Bà: Hà Thị Lệ 949.800đ;

+ Bà: Cao Thị M2 1.083.000đ;

+ Bà: Hồ Thị Phương L5 649.800đ;

+ Bà: Nguyễn Thị L 2.166.000đ;

+ Bà: Văn Thị B5 3.698.000đ;

+ Bà Võ Thị T12: 2.322.000đ;

+ Ông: Nguyễn Tấn A1: 733.200đ;

+ Bà: Hoàng Thị Kim H9: 49.330.000đ;

+ Bà: Lê Thị M6: 2.799.200đ;

+ Bà: Trần Thị Kim Loan: 266.400đ;

+ Bà: Trần Thị H: 3.400.000đ;

+ Ông: Lê Văn H20: 1.664.000đ;

+ Ông: Nguyễn Thanh H15: 89.960.000đ;

+ Bà: Đặng Thị Phương D5: 432.400đ;

+ Ông: Nguyễn Phan Minh T22: 6.215.000đ;

+ Bà: Trần Thị Mai L10: 1.347.000đ.

+ Bà: Phạm Thị L13999.200đ;

+ Bà: Nguyễn Vương Thi T23 3.498.000đ;

+ Bà: Dương Thị A3 5.249.000đ;

+ Bà: Lê Thị M7 8.581.000đ;

- + Bà: Hà Thị PH8 10.498.000đ;
- + Bà: Nguyễn Thị B7 Liễu 2.083.000đ;
- + Bà: Dương Thị Ngọc N5 21.328.000đ;
- + Ông: Trình Huỳnh Minh 5.996.000đ;
- + Bà: Trần Thị Thanh M9 6.166.000đ;
- + Bà: Huỳnh Thị H23 832.800;
- + Bà: Ngô Thị Diễm PH9 1.166.000đ;
- + Ông: Lê Viết H24 2.566.000đ;
- + Bà: Lê Thị H26 4.394.400đ;
- + Bà: Phạm Thị Diệu T26 707.500đ;
- + Ông: Lê Hữu H27 1.332.000đ;
- + Ông: Nguyễn Văn S6 34..079.000đ;
- + Ông: Đặng Chí H29 766.000đ;
- + Bà: Hoàng Nữ Khánh H30 2.132.800đ;
- + Bà: Bùi Thị Ngọc G1 4.421.800đ;
- + Bà: Phạm Thị Phương Hồng T31 16.498.000đ.

Tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đề nghị, yêu cầu gì về dân sự đối với số tiền thu lợi bất chính nên không đề cập đến.

- Đối với bà Nguyễn Thị Hậu, NGUYỄN THANH T1 cho bà Hậu vay tiền nhưng không lấy lãi, nhận thấy đây là quan hệ dân sự nên không đề cập đến;

*** Về phần xử lý vật chứng:**

- Đối với tài sản gồm: 01 xe ô tô BKS: 43A-347.93; 01 xe ô tô BKS: 43A-467.99; số tiền: 58.000.000đ xác định là tài sản của bà Nguyễn Thị H31 làm chủ sở hữu và 01 xe máy Wave, BKS: 43H1-8498 xác định là tài sản của bà Võ Thị C6 làm chủ sở hữu các tài sản trên không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị can. Nên Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Đ.; Cơ quan CSĐT – Công an quận Ngũ Hành Sơn đã ra quyết định trao trả lại cho bà Hạnh và bà Châu, các đương sự không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập đến.

- Đối với 01 máy tính xách tay hiệu DELL P49G, 01 máy tính xách tay hiệu Asus GL552P, 01 màn hình máy tính bàn hiệu Philip thu giữ của Nguyễn Thanh Toàn, 01 đèn pin, 01 CPU hiệu SUPER PRO, 02 biển hiệu ghi tư cách nhân viên thu giữ của Nguyễn Quang Duy. Xác định là tài sản của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội. Đề nghị trả lại cho các bị cáo;

- Đối với Số tiền 108.000.000đ, thu giữ của Nguyễn Đình Tuấn, xác định được 58.000.000đ là của bà Nguyễn Thị H31 không liên quan đến việc phạm tội nên đã trả lại cho bà Hạnh. Số tiền còn lại 50.000.000đ còn lại của NGUYỄN ĐÌNH T đề nghị tuyên quy trừ thi hành án;

- Đối với các tài sản gồm: 01 điện thoại di động Iphone11 Promax gắn sim 0937965222, 01 điện thoại di động Iphone 5 gắn sim số 0965118873, 01 điện thoại hiệu Gionee L800 gắn sim 0705647997 thu giữ của Nguyễn Thanh Toàn; 01 điện thoại di động Iphone 5s,

gắn sim số 0935898726, 01 điện thoại di động Iphone 7Plus gắn sim số 0971909509 thu giữ của Trần Phương Nam; 01 điện thoại di động Iphone X gắn sim số 0829499789, 01 điện thoại di động Nokia 105 gắn sim số 0913993297 thu giữ của Vũ Công Minh; 01 điện thoại di động Iphone 7Plus gắn sim số 0396285258; 01 chiếc xe máy loại Nouvo BKS: 43D-16484 thu giữ của Nguyễn Hoàng Phúc; 01 điện thoại di động IphoneX gắn sim số 0936681180, 01 điện thoại di động Gionee gắn sim số 0772200990 thu giữ của Nguyễn Quang Duy; 01 điện thoại di động Nokia 6700 gắn sim 0925406666, 01 điện thoại di động Iphone 11 pro max gắn sim số 0923507666; 01 điện thoại di động Iphone6 Plus gắn sim số 0922225586 của NGUYỄN ĐÌNH T xác định là tài sản liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Đề nghị tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- 01 cuốn sổ ghi chép hoạt động cho vay có chữ ký của Toàn; 01 cuốn sổ ghi chép hoạt động cho vay có chữ ký của Duy; 357 tập hồ sơ vay lưu theo hồ sơ vụ án.

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy 10 tập hồ sơ, tài liệu cho vay; 03 cây gậy bóng chày thu giữ của Nguyễn Thanh Toàn; 01 gậy bóng chày, 01 thanh gỗ có hình dạng giống cây súng ngắn; 03 con dao; 04 cái rựa thu giữ của NGUYỄN QUANG D đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy;

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và những người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại gì nên HĐXX không xem xét.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Từ giữa tháng 7 năm 2018 đến tháng 6 năm 2020 các đối tượng Nguyễn Đình Tuấn, Nguyễn Thanh Toàn, Nguyễn Quang Duy, Nguyễn Hoàng Phúc, Vũ Công Minh, TRẦN PHƯƠNG N đã tổ chức hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự trên địa bàn thành phố thành phố Đ. với mức lãi suất 240%/1 năm cao gấp 12 lần mức lãi suất quy định của Bộ luật dân sự thu lợi bất chính với số tiền là **1.256.253.320đ**. Cụ thể:

Đối với nhánh 1: Số tiền cho vay là 4.213.800.000 với số người vay là 111 người, tổng tiền thu lợi bất chính là 772.810.920đ, trong đó NGUYỄN ĐÌNH T thu lợi bất chính 572.810.920đ; NGUYỄN QUANG D thu lợi bất chính 134.000.000đ (tiền công quản lý từ tháng 7/2018 – 6/2020) và NGUYỄN HOÀNG PH thu lợi bất chính 66.000.000đ (tiền được thuê thu hồi nợ từ tháng 8/2019 – 6/2020).

Đối với nhánh 2: Số tiền cho vay là 2.636.000.000đ với số người vay là 64 người. Tổng tiền thu lợi bất chính là 483.442.400đ, trong đó NGUYỄN THANH T1 thu lợi bất chính 219.721.200đ; NGUYỄN ĐÌNH T thu lợi bất chính 219.721.200đ; VŨ CÔNG M và TRẦN PHƯƠNG N mỗi người thu lợi bất chính 22.000.000đ (tiền được thuê thu hồi nợ từ tháng 3/2020 – 6/2020).

Như vậy tổng số tiền NGUYỄN ĐÌNH T thu lợi bất chính 792.532.120đ; NGUYỄN THANH T1 thu lợi bất chính 219.721.200đ; NGUYỄN QUANG D thu lợi bất chính 134.000.000đ; NGUYỄN HOÀNG PH thu lợi bất chính 66.000.000đ; VŨ CÔNG M thu lợi bất chính 22.000.000đ ; TRẦN PHƯƠNG N thu lợi bất chính 22.000.000đ

[2] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy:

Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có trình độ văn hóa. Mặc dù các bị cáo đều ý thức được hành vi tổ chức: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Hành vi của các bị cáo đã xâm hại đến khách thể là trật tự quản lý kinh tế của nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động quản lý tài chính. Lãi suất các bị cáo cho vay gấp 12 lần so với mức lãi suất tối đa Ngân hàng Nhà nước quy định. Trước khi thực hiện hành vi, giữa các bị cáo có sự bàn bạc, phân công vai trò cho nhau, thực hiện hành vi một cách liên tục trong một thời gian dài, thu lợi bất chính số tiền lớn, gây khó khăn trong hoạt động quản lý kinh tế của Nhà nước làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương nên Viện Kiểm sát đã truy tố các bị về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt đã được quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự, như cáo trạng số 04/ CT-VKS-NHS ngày 26/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn đã truy tố và đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Xét vai trò và nhân thân của các bị cáo trong vụ án thì thấy:

Bị cáo NGUYỄN ĐÌNH T là người có ý tưởng và có vai trò chính. Trong vụ án, bị cáo là người rủ rê các bị cáo Duy, Tuấn và Phúc tổ chức hoạt động cho vay lãi nặng; bị cáo là người đứng đầu cho cả hai nhánh. Riêng nhánh của bị cáo với sự giúp sức của Duy và Phúc hoạt động tích cực và phạm tội nhiều lần. HĐXX xét thấy, cần áp dụng tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm a, g khoản 1 Điều 52 BLHS để xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc để giáo dục bị cáo và răn đe chung cho toàn xã hội.

Đối với NGUYỄN THANH T1 là người tuy được Tuấn rủ rê nhưng giữ vai trò chủ chốt của nhánh cho vay lãi nặng thứ 2 và Toàn đã thu lợi bất chính 219.721.200đ, NGUYỄN QUANG D là người giúp sức tích cực cho Nguyễn Đình Tuấn, là người trực tiếp thực hiện việc cho vay trong thời gian dài và cho rất nhiều đối tượng vay. Tuy chỉ với vai trò làm công ăn lương nhưng Duy cũng đã thu lợi bất chính từ hành vi vi phạm pháp luật này với số tiền 134.000.000đ, nên cũng cần cân nhắc áp dụng tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm a, g khoản 1 Điều 52 BLHS để xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đối với các bị cáo Nguyễn Hoàng Phúc, VŨ CÔNG M và Trần Phương Nam, các bị cáo đều là những người có trình độ văn hóa, lẽ ra khi biết các bị cáo NGUYỄN ĐÌNH T và NGUYỄN THANH T1 tổ chức cho vay nặng lãi là vi phạm pháp luật các bị cáo phải từ chối không tham gia. Nhưng các bị cáo cũng đã giúp sức với vai trò làm công ăn lương; tuy nhiên, cũng đã góp phần tích cực cho đồng bọn thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Do đó, cần phải cân nhắc áp dụng tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm a khoản 1

Điều 52 BLHS đối với bị cáo Trần Phương Nam, VŨ CÔNG M và áp dụng điểm a, g khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo NGUYỄN HOÀNG PH là phù hợp với quy định của pháp luật.

Song xét thấy, hoạt động của các bị cáo tuy có gây ra những hệ lụy nhất định cho xã hội, song xét bản chất các giao dịch cũng dựa trên sự đồng ý tự nguyện của những người vay, phần lớn các giao dịch đều xuất phát từ sự tự nguyện, đề nghị của những người vay. Bản thân bị cáo Tuấn là người đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự nên cần áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS để xem xét hành vi của bị cáo trong lúc lượng hình. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS để xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đối với bị cáo TRẦN PHƯƠNG N đến tại thời điểm xét xử bị cáo cũng đã bị tạm giữ, tạm giam với thời gian là 08 tháng, 08 ngày nên thiết nghĩ ngần đó thời gian cũng đủ răn đe đối với hành vi của bị cáo và xét thấy không cần thiết phải tiếp tục giam giữ mà cần áp dụng Điều 328 tuyên trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa, nếu bị cáo không phạm một tội nào khác.

Đối với những người vay không làm việc được của nhánh 1 và nhánh 2 gồm: Ông: Võ Như Hiền; bà: Trần Thị Ngọc Mai, Ông: Nguyễn Anh Tuấn; Bà: Trần Thị Thanh Tâm; Bà: Nguyễn Thị Trúc Giang; Bà: Lê Thị Nguyệt; Bà: Trần Thị Tố Châu; Bà: Mai Thị Mười; Ông: Phan Văn Lý; Bà: Hồ Thị Hương; Bà: Nguyễn Thị Vân; Bà: Hồ Thị Thìn; Bà: Trần Thị; Bà: Nguyễn Thị Bảy; Ông: Phan Sĩ Hoàng; Ông: Lê Ngọc Vũ; Bà: Nguyễn Thị Trâm; Bà: Võ Thị Kiều Nhung; Bà: Ngô Thị Thùy Linh; Bà: Phan Thị Hiệp; Ông: Lê Văn Mỹ; Ông: Lê Đức Vinh; Ông: Mai Văn Thành; Ông: Văn Thanh Dũng; Bà: Lê Thị Thanh Trà; Bà: Nguyễn Thị Thắm; Bà: Nguyễn Thị Lâm; Bà: Võ Thị Hoa Sen; Bà: Hồ Thị Thúy Nga; Ông: Nguyễn Văn Trung; Bà: Nguyễn Thị Giây; Bà: Phạm Thị Trông; Bà: Nguyễn Thị Phương Dung; Bà: Hồ Thị Thu; Bà: Bùi Thị Thanh Hồng; Ông: Từ Sơn Pho; Bà: Hồ Thị Hồng; Bà: Nguyễn Thị Thiêm; Ông: Nguyễn Quốc Bửu Chương; Ông: Đặng Văn Quang; Ông: Phan Cao Sương; Ông: Nguyễn Bảo; Ông: Hoàng Trọng Việt; Bà: Phan Thị Thanh; Bà: Lê Thị Nhung; Bà: Huỳnh Thị H; Ông: Nguyễn Phước An Khang; Bà: Nguyễn Thị Xí; Bà: Mai Thị Vy; Bà: Lê Thị Hồng Tuấn; Ông: Kim Long Thắng; Bà: Nguyễn Thị Anh; Bà: Võ Thị Kim Hạnh; Ông: Lê Đức Tuấn Phát; Ông: Nguyễn Mạnh; Bà: Nguyễn Thị Hồng; Ông: Lê Thành Long; Bà: Mai Thị Thanh Sang; Ông: Võ Văn Huy; Bà: Nguyễn Thị L9; Ông: Văn Công Lợi; Bà: Phan Thị Cúc; Ông: Hồ Văn Vũ; Ông: Nguyễn Minh Hương; Ông: Đào Xuân Thụ; Bà: Mai Kim Hoa; Bà: Mai Thị Phụng; Bà: Phan Mai; Bà: Lê Hồng Nhung; Bà: Mai Thị Hường; Bà: Hoàng Thị Mai; Ông: Võ Văn Thành Ông: Trần H1uệ; Bà: Nguyễn Thu Vinh; Bà: Nguyễn Hoàng Ánh; Ông: Lê Văn Trường; Ông: Nguyễn Trung Anh; Ông: Phan Đát; Bà: Huỳnh Hoài Trang; Bà: Đặng Kim Anh; Bà: Bùi Thị Mai; Bà: Nguyễn Thị Sâm; Ông: Trần Viết Thắm; Bà: Phạm Hồng Thủy; Ông: Lê Anh Nguyên; Bà: Nguyễn Phương Dung; Ông: Mai Nguyên; Bà: Nguyễn Thị Trâm; Ông: Lê Văn; Bà: Đinh Phương Thảo; Ông: Trần Minh Thanh; Ông: Vương Công Thành; Bà: Trương Hà Uyên; Bà: Phạm Thị Mỹ; Bà: Đặng Thu Thủy; Ông: Nguyễn Minh Tuấn; Ông: Võ Anh Việt; Bà: Nguyễn Diệu Linh; Bà: Hoàng Hải

Tuyệt; Ông: Nguyễn Thanh H15; Ông: Nguyễn Long; Ông: Lê Tiến; Bà: Huỳnh Thanh Thủy; Bà: Nguyễn Thị Liễu; Bà: Nguyễn Như Anh; Ông: Lê Hoàng; Bà: Nguyễn Thu Phong; Bà: Tân Bích Diệu. Cơ quan CSĐT- Công an quận Ngũ Hành Sơn sẽ làm rõ và xử lý sau.

[4] Về áp dụng biện pháp Tư pháp và xử lý vật chứng:

***Về biện pháp Tư pháp:** Hội đồng xét xử xét thấy đối với những trường hợp người vay đã trả hết toàn bộ số tiền vay theo như thỏa thuận với các bị cáo, những trường hợp này Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào số tiền thu lợi bất chính (số tiền vượt quá 20%/ năm) đối với từng khoản vay, từng lần vay để tuyên buộc các bị cáo trả lại số tiền thu lợi bất chính tương ứng cho từng người vay; nhưng trong quá trình điều tra, những người liên quan này đều không có yêu cầu các bị cáo phải trả lại tiền, nên cần tuyên buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền này để sung vào ngân sách Nhà nước là thỏa đáng.

Trong vụ án này, số tiền gốc cho vay được xem là phương tiện mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước; Số tiền lãi trong phạm vi 20% là lãi suất được pháp luật thừa nhận nhưng xét đây là tiền phát sinh từ hoạt động phạm tội nên cũng cần tuyên thu sung vào ngân sách Nhà nước là đúng quy định của pháp luật.

Cụ thể như sau:

+Nguyễn Đình Tuấn: Số tiền cho vay 4.870.715.000đ, trong đó: 3.753.950.000đ (nhánh 1); 1.116.765.000đ (nhánh 2)

+Nguyễn Thanh Toàn: Số tiền cho vay 1.116.765.000đ.

- Truy thu số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo là 1.256.253.320đ. Trong đó :

+ NGUYỄN ĐÌNH T 792.532.120đ;

+ NGUYỄN THANH T1 219.721.200đ;

+ NGUYỄN QUANG D34.000.000đ;

+ NGUYỄN HOÀNG PH 66.000.000đ;

+ VŨ CÔNG M 22.000.000đ;

+ TRẦN PHƯƠNG N 22.000.000đ.

- Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã vay tiền của các bị cáo nhưng đến nay chưa trả hết thì cần tuyên buộc số người này phải nộp lại số tiền gốc chưa trả để sung công quỹ nhà nước, cụ thể:

+ Bà: Nguyễn Hương T8 1.083.000đ;

+ Bà: Nguyễn Đỗ Khánh U 7.366.000đ;

+ Bà: Hà Thị Lệ 949.800đ;

+ Bà: Cao Thị M2 1.083.000đ;

+ Bà: Hồ Thị Phương L5 649.800đ;

+ Bà: Nguyễn Thị L 2.166.000đ;

+ Bà: Văn Thị B5 3.698.000đ;

+ Bà Võ Thị T12: 2.322.000đ;

- + Ông: Nguyễn Tấn A1: 733.200đ;
- + Bà: Hoàng Thị Kim H9: 49.330.000đ;
- + Bà: Lê Thị M6: 2.799.200đ;
- + Bà: Trần Thị Kim Loan: 266.400đ;
- + Bà: Trần Thị H: 3.400.000đ;
- + Ông: Lê Văn H20: 1.664.000đ;
- + Ông: Nguyễn Thanh H15: 89.960.000đ;
- + Bà: Đặng Thị Phương D5: 432.400đ;
- + Ông: Nguyễn Phan Minh T22: 6.215.000đ;
- + Bà: Trần Thị Mai L10: 1.347.000đ.
- + Bà: Phạm Thị L13999.200đ;
- + Bà: Nguyễn Vương Thị T23 3.498.000đ;
- + Bà: Dương Thị A3 5.249.000đ;
- + Bà: Lê Thị M7 8.581.000đ;
- + Bà: Hà Thị PH8 10.498.000đ;
- + Bà: Nguyễn Thị B7 Liễu 2.083.000đ;
- + Bà: Dương Thị Ngọc N5 21.328.000đ;
- + Ông: Trình Huỳnh Minh 5.996.000đ;
- + Bà: Trần Thị Thanh M9 6.166.000đ;
- + Bà: Huỳnh Thị H23 832.800;
- + Bà: Ngô Thị Diễm PH9 1.166.000đ;
- + Ông: Lê Viết H24 2.566.000đ;
- + Bà: Lê Thị H26 4.394.400đ;
- + Bà: Phạm Thị Diệu T26 707.500đ;
- + Ông: Lê Hữu H27 1.332.000đ;
- + Ông: Nguyễn Văn S6 34.079.000đ;
- + Ông: Đặng Chí H29 766.000đ;
- + Bà: Hoàng Nữ Khánh H30 2.132.800đ;
- + Bà: Bùi Thị Ngọc G1 4.421.800đ;
- + Bà: Phạm Thị Phương Hồng T31 16.498.000đ.

Trong quá trình điều tra, tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đề nghị, yêu cầu gì về dân sự đối với số tiền thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với bà Nguyễn Thị Hậu, NGUYỄN THANH T1 cho bà Hậu vay tiền nhưng không lấy lãi, nhận thấy đây là quan hệ dân sự nên không đề cập đến.

*** Về phần xử lý vật chứng:**

- Đối với tài sản gồm: 01 xe ô tô BKS: 43A-347.93; 01 xe ô tô BKS: 43A-467.99; số tiền: 58.000.000đ xác định là tài sản của bà Nguyễn Thị H31 làm chủ sở hữu và 01 xe máy Wave, BKS: 43H1-8498 xác định là tài sản của bà Võ Thị C6 làm chủ sở hữu các tài sản trên không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị can. Nên Cơ quan CSĐT – Công

an thành phố Đ.; Cơ quan CSĐT – Công an quận Ngũ Hành Sơn đã ra quyết định trao trả lại cho bà Hạnh và bà Châu, các đương sự không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập đến.

- Đối với 01 máy tính xách tay hiệu DELL P49G, 01 máy tính xách tay hiệu Asus GL552P, 01 màn hình máy tính bàn hiệu Philip thu giữ của Nguyễn Thanh Toàn, 01 đèn pin, 01 CPU hiệu SUPER PRO, 02 biển hiệu ghi tư cách nhân viên thu giữ của Nguyễn Quang Duy. Xác định là tài sản của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên xét thấy cần tuyên trả lại cho các bị cáo;

- Đối với Số tiền 50.000.000đ còn lại của NGUYỄN ĐÌNH T xét thấy cần tuyên quy trữ để đảm bảo thi hành án;

- Đối với các tài sản gồm: 01 điện thoại di động Iphone11 Promax gắn sim 0937965222, 01 điện thoại di động Iphone5 gắn sim số 0905118873, 01 điện thoại hiệu Gionee L800 gắn sim 0705647997 thu giữ của Nguyễn Thanh Toàn; 01 điện thoại di động Iphone 5s, gắn sim số 0935898726, 01 điện thoại di động Iphone 7Plus gắn sim số 0971909509 thu giữ của Trần Phương Nam; 01 điện thoại di động Iphone X gắn sim số 0829499789, 01 điện thoại di động Nokia 105 gắn sim số 0913993297 thu giữ của Vũ Công Minh; 01 điện thoại di động Iphone 7Plus gắn sim số 0396285258; 01 chiếc xe máy loại Nouvo BKS: 43D-16484 thu giữ của Nguyễn Hoàng Phúc; 01 điện thoại di động IphoneX gắn sim số 0936681180, 01 điện thoại di động Gionee gắn sim số 0772200990 thu giữ của Nguyễn Quang Duy; 01 điện thoại di động Nokia 6700 gắn sim 0925406666, 01 điện thoại di động Iphone 11 pro max gắn sim số 0923507666; 01 điện thoại di động Iphone6 Plus gắn sim số 0922225586 của NGUYỄN ĐÌNH T xác định là tài sản liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Đối với 01 cuốn sổ ghi chép hoạt động cho vay có chữ ký của Toàn; 01 cuốn sổ ghi chép hoạt động cho vay có chữ ký của Duy; 357 tập hồ sơ vay xét thấy cần tuyên tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 10 tập hồ sơ, tài liệu cho vay; 03 cây gậy bóng chày thu giữ của Nguyễn Thanh Toàn; 01 gậy bóng chày, 01 thanh gỗ có hình dạng giống cây súng ngắn; 03 con dao; 04 cái rựa thu giữ của NGUYỄN QUANG Dcần tuyên tịch thu tiêu hủy;

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Đình Tuấn, Nguyễn Thanh Toàn, Nguyễn Quang Duy, Nguyễn Hoàng Phúc, Vũ Công Minh, TRẦN PHƯƠNG N phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

[1.1] Căn cứ: Khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo NGUYỄN ĐÌNH T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/7/2020.

[1.2] Căn cứ: Khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **NGUYỄN THANH T110** (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/7/2020.

[1.3] Căn cứ: Khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **NGUYỄN QUANG D09** (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/7/2020.

[1.4] Căn cứ: Khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **NGUYỄN HOÀNG PH 07** (bảy) tháng, 25 (hai mươi lăm) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/7/2020 (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt).

[1.5] Căn cứ: Khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **VŨ CÔNG M 07** (bảy) tháng, 25 (hai mươi lăm) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/7/2020 (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt).

[1.6] Căn cứ: Khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự; Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **TRẦN PHƯƠNG N 08** (tám) tháng, 08 (tám) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/7/2020.

- Tuyên trả tự do tại phiên tòa cho bị cáo Trần Phương Nam, nếu bị cáo không phạm tội nào khác.

[2] Về biện pháp Tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự:

[2.1] Về áp dụng biện pháp Tư pháp:

- Tuyên buộc bị cáo **NGUYỄN ĐÌNH T** phải nộp số tiền cho vay 4.870.715.000đ.

- Tuyên buộc bị cáo **NGUYỄN THANH T1** phải nộp số tiền cho vay 1.116.765.000đ.

- Tuyên truy thu số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo là **1.256.253.320đ**. Trong đó :

+ **NGUYỄN ĐÌNH T** 792.532.120đ;

+ **NGUYỄN THANH T1** 1219.721.200đ;

+ **NGUYỄN QUANG D** 34.000.000đ;

+ **NGUYỄN HOÀNG PH** 66.000.000đ;

+ **VŨ CÔNG M** 22.000.000đ;

+ **TRẦN PHƯƠNG N** 22.000.000đ.

- Tuyên buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền gốc chưa trả để sung vào Ngân sách Nhà nước, số tiền từng người phải nộp cụ thể như sau:

- + Bà: Nguyễn Hương T8 1.083.000đ;
- + Bà: Nguyễn Đỗ Khánh U 7.366.000đ;
- + Bà: Hà Thị Lệ 949.800đ;
- + Bà: Cao Thị M2 1.083.000đ;
- + Bà: Hồ Thị Phương L5 649.800đ;
- + Bà: Nguyễn Thị L 2.166.000đ;
- + Bà: Văn Thị B5 3.698.000đ;
- + Bà Võ Thị T12: 2.322.000đ;
- + Ông: Nguyễn Tấn A1: 733.200đ;
- + Bà: Hoàng Thị Kim H9: 49.330.000đ;
- + Bà: Lê Thị M6: 2.799.200đ;
- + Bà: Trần Thị Kim Loan: 266.400đ;
- + Bà: Trần Thị H: 3.400.000đ;
- + Ông: Lê Văn H20: 1.664.000đ;
- + Ông: Nguyễn Thanh H15: 89.960.000đ;
- + Bà: Đặng Thị Phương D5: 432.400đ;
- + Ông: Nguyễn Phan Minh T22: 6.215.000đ;
- + Bà: Trần Thị Mai L10: 1.347.000đ.
- + Bà: Phạm Thị L13999.200đ;
- + Bà: Nguyễn Vương Thị T23 3.498.000đ;
- + Bà: Dương Thị A3 5.249.000đ;
- + Bà: Lê Thị M7 8.581.000đ;
- + Bà: Hà Thị PH8 10.498.000đ;
- + Bà: Nguyễn Thị B7 Liễu 2.083.000đ;
- + Bà: Dương Thị Ngọc N5 21.328.000đ;
- + Ông: Trình Huỳnh Minh 5.996.000đ;
- + Bà: Trần Thị Thanh M9 6.166.000đ;
- + Bà: Huỳnh Thị H23 832.800;
- + Bà: Ngô Thị Diễm PH9 1.166.000đ;
- + Ông: Lê Viết H24 2.566.000đ;
- + Bà: Lê Thị H26 4.394.400đ;
- + Bà: Phạm Thị Diệu T26 707.500đ;
- + Ông: Lê Hữu H27 1.332.000đ;
- + Ông: Nguyễn Văn S6 34.079s.000đ;
- + Ông: Đặng Chí H29 766.000đ;
- + Bà: Hoàng Nữ Khánh H30 2.132.800đ;
- + Bà: Bùi Thị Ngọc G1 4.421.800đ;
- + Bà: Phạm Thị Phương Hồng T31 16.498.000đ.

[2.2] Về phần xử lý vật chứng:

- Tuyên trả lại cho NGUYỄN THANH T1: 01 máy tính xách tay hiệu DELL P49G, 01 máy tính xách tay hiệu Asus GL552P, 01 màn hình máy tính bàn hiệu Philip
- Tuyên trả lại cho Nguyễn Quang Duy: 01 đèn pin, 02 CPU hiệu SUPER PRO, 02 biển hiệu ghi tư cách nhân viên.
- Tuyên tiếp tục quy trừ: 50.000.000đ của NGUYỄN ĐÌNH T để đảm bảo thi hành án;
- Tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone11 Promax gắn sim 0937965222, 01 điện thoại di động Iphone5 gắn sim số 09065118873, 01 điện thoại hiệu Gionee L800 gắn sim 0705647997 thu giữ của Nguyễn Thanh Toàn; 01 điện thoại di động Iphone 5s, gắn sim số 0935898726, 01 điện thoại di động Iphone 7Plus gắn sim số 0971909509 thu giữ của Trần Phương Nam; 01 điện thoại di động Iphone X gắn sim số 0829499789, 01 điện thoại di động Nokia 105 gắn sim số 0913993297 thu giữ của Vũ Công Minh; 01 điện thoại di động Iphone 7Plus gắn sim số 0396285258; 01 chiếc xe máy loại Nouvo BKS: 43D-16484 thu giữ của Nguyễn Hoàng Phúc; 01 điện thoại di động IphoneX gắn sim số 0936681180, 01 điện thoại di động Gionee gắn sim số 0772200990 thu giữ của Nguyễn Quang Duy; 01 điện thoại di động Nokia 6700 gắn sim 0925406666, 01 điện thoại di động Iphone 11 pro max gắn sim số 0923507666; 01 điện thoại di động Iphone6 Plus gắn sim số 0922225586 của Nguyễn Đình Tuấn.
- Tuyên tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án: 01 cuốn sổ ghi chép hoạt động cho vay có chữ ký của Toàn; 01 cuốn sổ ghi chép hoạt động cho vay có chữ ký của Duy; 357 tập hồ sơ vay.
- Tuyên tịch thu tiêu hủy: 10 tập hồ sơ, tài liệu cho vay; 03 cây gậy bóng chày thu giữ của Nguyễn Thanh Toàn; 01 gậy bóng chày, 01 thanh gỗ có hình dạng giống cây súng ngắn; 03 con dao; 04 cái rửa thu giữ của Nguyễn Quang Duy.

(Tất cả vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án quận Ngũ Hành Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/3/2021). Riêng số tiền 50.000.000đ thu giữ của Nguyễn Đình Tuấn, tại thời điểm xét xử cơ quan điều tra đang tạm giữ.

[3] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND quận NHS;
- Công an quận NHS;
- Công an trại tạm giam Tp thành phố Đ. ;
- Chi cục THADS quận NHS;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Công Hoan